CÔNG TY CP LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO
Số 1079 Phạm Văn Đồng, KP 1, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, Tp.HCM
SĐT: (84-28) 37245264 – 37245272, Fax: (84-28) 37245263
Website: www.safocofood.com

THƯ MỜI
THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Kính gửi: **Quý cổ đông Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, thông tin cụ thể như sau:

1. **Thời gian:** Lúc 8 giờ 00 phút, ngày 06 tháng 4 năm 2018
2. **Địa điểm:** Hội trường Khách sạn New World, số 76 Lê Lai, Quận 1, Tp HCM.
3. **Nội dung Đại hội:**

- Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2017 và phương hướng năm 2018;
- Báo cáo của HĐQT: tổng kết nhiệm kỳ III (2013 - 2017) và phương hướng nhiệm kỳ IV (2018 - 2022);
- Báo cáo tài chính tóm tắt đã được kiểm toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2017 và phương hướng năm 2018;
- Báo cáo của BKS: tổng kết nhiệm kỳ III (2013 - 2017) và phương hướng nhiệm kỳ IV (2018 - 2022);
- Trình phương án phân phối lợi nhuận 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận 2018;
- Trình mức tiền lương của Trưởng BKS, thù lao của HĐQT, BKS và Thư ký năm 2018;
- Trình đề nghị chọn Công ty Kiểm toán cho năm 2018;
- Trình đề nghị trích tiền tham gia công tác từ thiện xã hội năm 2018;
- Trình sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- Bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2018 – 2022);

4. **Thành phần tham dự:** Tất cả cổ đông sở hữu cổ phiếu SAF tính đến ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền (là ngày **15/3/2018**) đều có quyền dự họp. Trường hợp cổ đông không tham dự có thể ủy quyền cho người khác bằng Giấy ủy quyền.
5. **Đăng ký tham dự Đại hội:** Để Đại hội cổ đông được tổ chức chu đáo, rất mong Quý cổ đông vui lòng đăng ký tham dự Đại hội cho Công ty, thời gian **từ ngày 27/3/2018 đến ngày 02/4/2018. V**ui lòng đăng ký qua điện thoại, bưu điện, fax, email.
6. **Ban tổ chức Đại hội**

Địa chỉ: Phòng Tổ chức Hành chính**,** số 1079 Phạm Văn Đồng, Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, Tp.HCM.

Điện thoại : (84-28) 37245264 (gặp Lê Nguyễn Như Thắm/ Trần Thị Vũ Hằng)
Fax : (84-28) 37245263 Email: nhutham252002@yahoo.com.vn

***Lưu ý*:** Khi đến tham dự vui lòng mang theo Thư mời họp, CMND, CCCD hoặc Giấy ủy quyền/Hộ chiếu.

7. **Các tài liệu của Đại hội được công bố tại website: www.safocofood.com.**

Trân trọng kính mời!

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

Trần Hoàng Thao

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO
Ký ngày: 12/4/2018 11:13:43

CÔNG TY CP LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO
Số 1079 Phạm Văn Đồng, KP 1, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, Tp.HCM
SĐT: (84-28) 37245264 – 37245272, Fax: (84-28) 37245263
Website: www.safocofood.com

THÔNG BÁO

Về việc đề cử, ứng cử thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ IV (2018 – 2022)

Kính gửi: **Quý cổ đông Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2014;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco;

- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco xin trân trọng Thông báo đến Quý cổ đông về việc đề cử, ứng cử nhân sự dự kiến bầu thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 20188-2022 trong kỳ họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 theo các chi tiết như sau:

1. **Số lượng thành viên HĐQT dự kiến được bầu**: 05 thành viên. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị (làm tròn xuống).
2. **Số lượng thành viên BKS dự kiến được bầu:** 03 thành viên.
3. **Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT, BKS:**

3.1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh của công ty.
- Có sức khoẻ, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.
- Thành viên HĐQT không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác.
- Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

3.2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

4. **Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS:**

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có

quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT, BKS. Cụ thể:

- Từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu 06 tháng được đề cử một (1) ứng viên;
- Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (2) ứng viên;
- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (3) ứng viên;
- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (4) ứng viên;
- Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (5) ứng viên;

5. Thành phần hồ sơ đề cử, ứng cử:

5.1. Hồ sơ đề cử/ứng cử

Hồ sơ đề cử, ứng cử nhân sự bầu vào thành viên HĐQT, BKS cho Công ty gồm:

- Thư đề cử/ứng cử thành viên HĐQT, BKS (theo mẫu)
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu)
- Bản sao có công chứng: CMND, hộ khẩu thường trú, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn của ứng cử viên
- Biên bản họp nhóm (nếu ứng cử viên được nhóm cổ đông đề cử, theo mẫu).
- Các biểu mẫu được công bố tại website: www.safocofood.com

5.2. Thời gian và nơi nhận hồ sơ đề cử/ứng cử:

- Thời gian: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải gửi hồ sơ trước 17 giờ ngày 02/4/2018.
- Nơi nhận: Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco - Phòng Tổ chức Hành chính
  1079 Phạm Văn Đồng, KP 1, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp.HCM

Trân trọng thông báo!

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Trần Hoàng Thao

DỰ KIẾN CHƯƠNG TRÌNH
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
(Thứ sáu, ngày 06 tháng 4 năm 2018 tại số 76 Lê Lai - Quận I - Tp.HCM)

Thời gian	Nội dung
	A.THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI
7h30 - 8h00	Tiếp đón cổ đông, khách mời; kiểm tra tư cách cổ đông tham dự và phát tài liệu.
8h00 - 8h20	- Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự.
	- Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
	Giới thiệu và thông qua: - Danh sách Chủ tọa đoàn, Thư ký đoàn và Ban kiểm phiếu/Ban bầu cử. - Chương trình nghị sự của Đại hội. - Quy chế làm việc tại Đại hội.
8h20 - 10h40	**B. NỘI DUNG CHÍNH**
	1. Diễn văn phát biểu khai mạc Đại hội.
	2. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT năm 2017 và phương hướng năm 2018.
	3. Báo cáo của HĐQT: tổng kết nhiệm kỳ III (2013 - 2017) và phương hướng nhiệm kỳ IV (2018 - 2022).
	4. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017.
	5. Báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018.
	6. Báo cáo của BKS: tổng kết nhiệm kỳ III (2013 - 2017) và phương hướng nhiệm kỳ IV (2018 - 2022).
	7. Trình Đại hội thông qua: - Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018. - Phê duyệt thù lao HĐQT, BKS và Thư ký năm 2017; Đề xuất mức tiền lương của Trưởng BKS, thù lao của thành viên HĐQT, BKS và Thư ký năm 2018. - Việc lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2018. - Trích tiền tham gia công tác từ thiện năm 2018. - Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

	8. Thảo luận, tiếp thu, giải đáp ý kiến và biểu quyết các vấn đề tại Đại hội.
	9. Miễn nhiệm HĐQT, BKS nhiệm kỳ III (2013 - 2017) 10. Bầu TV.HĐQT/ BKS nhiệm kỳ IV (2018 - 2022) - Thông qua Quy chế đề cử - ứng cử TV.HĐQT/BKS. - Thông qua số lượng và Danh sách ứng cử viên. - Ban kiểm phiếu/Ban bầu cử hướng dẫn, tiến hành bầu cử.
10h40 - 11h10	**C. NGHỈ GIẢI LAO VÀ KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT/PHIẾU BẦU CỬ**
11h10 - 11h40	**D. BAN KIỂM PHIẾU/BAN BẦU CỬ CÔNG BỐ KẾT QUẢ** 1. Biểu quyết các vấn đề tại Đại hội. 2. Bầu cử HĐQT và BKS nhiệm kỳ IV (2018 - 2022).
11h40 - 12h00	**Đ. CÔNG BỐ CHỦ TỊCH HĐQT, TRƯỞNG BKS, TỔNG GIÁM ĐỐC** 1. HĐQT, BKS họp phiên đầu tiên bầu và công bố chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS. 2. HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV (2018 - 2022) nhận nhiệm vụ trước Đại hội. 3. HĐQT công bố bổ nhiệm Tổng Giám đốc.
12h00 - 12h15	1. Thông qua dự thảo Nghị quyết Đại hội 2018.
	2. Bế mạc Đại hội.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2018

QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

Để thực hiện việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Ban tổ chức Đại hội xin báo cáo trước Đại hội cổ đông Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc: Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông. Mỗi cổ đông tham dự Đại hội được cấp một Thẻ biểu quyết và một Phiếu biểu quyết, trong đó có ghi tên, mã số cổ đông và số cổ phần được quyền biểu quyết của cổ đông.

a) Thẻ biểu quyết dùng để biểu quyết các nội dung khác tại Đại hội như: Chương trình họp, Quy chế làm việc, Chủ tịch đoàn, Thư ký đoàn, Ban Kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử.

b) Phiếu biểu quyết dùng để biểu quyết các nội dung

- Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2017 và Phương hướng kế hoạch năm 2018;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2013 - 2017) và Phương hướng kế hoạch nhiệm kỳ IV (2018 - 2022);
- Báo cáo tài chính tóm tắt đã được kiểm toán;
- Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2017;
- Báo cáo của Ban Kiểm soát tổng kết hoạt động nhiệm kỳ III (2013 - 2017) và Phương hướng hoạt động nhiệm kỳ IV (2018 - 2022);
- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017;
- Kế hoạch phân phối Lợi nhuận năm 2018;
- Tiền lương của Trưởng BS chuyên trách, Thù lao của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và Thư ký năm 2018;
- Chọn Công ty Kiểm toán cho năm 2018;
- Trích tiền tham gia công tác từ thiện xã hội năm 2018;
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 và Thông tư số 95/2017/ TT-BTC ngày 22/9/2017của Bộ Tài chính.
- Bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV (2018-2022).

2. Cách biểu quyết

a) Thẻ biểu quyết: Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được hướng về phía Chủ tịch đoàn.

b) Phiếu biểu quyết: Cổ đông biểu quyết một vấn đề bằng cách lựa chọn phương án (*đồng ý, không đồng ý* hay *không có ý kiến*) vào từng nội dung cần biểu quyết.

II. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc: Cổ đông tham dự Đại hội muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tịch đoàn.

2. Cách thức phát biểu: Cổ đông lựa chọn hình thức phát biểu như sau:

a) Cổ đông phát biểu trực tiếp trước Đại hội.

b) Cổ đông ghi tóm tắt nội dung phát biểu vào **"Phiếu Đăng ký phát biểu"** và chuyển cho Chủ tịch Đoàn.

Chủ tịch đoàn xem xét, sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp thắc mắc của cổ đông (*mỗi ý kiến phát biểu tối đa 05 phút*).

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CỔ ĐÔNG

1. Xuất trình CCCD/CMND/ Hộ chiếu (nếu có quốc tịch nước ngoài), Thư mời họp (hoặc giấy ủy quyền dự họp) tại bàn tiếp đón.

2. Giữ trật tự trong giờ họp và không hút thuốc lá trong phòng họp.

3. Tuân thủ sự điều hành của Chủ tịch đoàn, chỉ được phát biểu khi có sự đồng ý của Chủ tịch đoàn.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH ĐOÀN

1. Điều hành Đại hội theo chương trình, quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tịch đoàn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Trình dự thảo và những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

3.Hướng dẫn các đại biểu tham dự Đại hội thảo luận, biểu quyết các vấn đề trong chương trình của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

4. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

5. Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong suốt quá trình Đại hội.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ

1. Tiếp nhận Phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông chuyển đoàn chủ tịch.

2. Ghi Biên bản Đại hội đầy đủ, trung thực các nội dung của Đại hội.

3. Soạn thảo và thông qua Nghị quyết tại Đại hội.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

1. Kiểm tra tư cách của cổ đông dự họp.

2. Báo cáo trước Đại hội về điều kiện tiến hành họp.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU VÀ BẦU CỬ

1. Hướng dẫn thể lệ bầu cử, phương thức bầu dồn phiếu.

2. Tổ chức kiểm phiếu Biểu quyết, phiếu Bầu cử.

3. Xác định chính xác kết quả biểu quyết và bầu cử của Cổ đông.

4. Công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội theo từng nội dung.

5. Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

Trên đây là Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco.

Kính trình Đại hội thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Trần Hoàng Thao

CÔNG TY CỔ PHẦN **LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 109/BC-SAF/HĐQT	*Tp Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2018*

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ QUẢN TRỊ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2017 & ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH NĂM 2018

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco xin trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2017 và định hướng hoạt động năm 2018 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2017

1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2017

Kinh tế nước ta năm 2017 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi và tăng trưởng ổn định, hoạt động thương mại toàn cầu có xu hướng cải thiện rõ rệt cùng với niềm tin của người tiêu dùng tăng lên là các yếu tố tác động tích cực đến sản xuất trong nước. Tuy nhiên, do ảnh hưởng bởi việc điều chỉnh chính sách thương mại của một số nước lớn đang là những thách thức đối với kinh tế nước ta. Ở trong nước, bên cạnh kết quả nổi bật về tăng trưởng kinh tế (đạt 6,81%, mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm qua), môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được cải thiện, hoạt động xuất khẩu tăng mạnh,.... kinh tế trong nước vẫn còn những khó khăn thách thức như: năng suất lao động và sức cạnh tranh còn thấp, thiên tai, bão, lũ liên tiếp xảy ra và diễn biến ngày càng phức tạp đã tác động tiêu cực tới sản xuất nông nghiệp nước ta.

Safoco là một trong những đơn vị sản xuất ở lĩnh vực thực phẩm chế biến nên năm 2017 ngoài những khó khăn chung, Công ty còn phải đối mặt với những khó khăn thách thức của thị trường trong và ngoài nước như:

- Thị trường nội địa áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa sản phẩm Công ty với: các sản phẩm cùng chủng loại nhập khẩu từ nước ngoài về; các sản phẩm mang nhãn hàng riêng (của các siêu thị lớn tự gia công); sản phẩm không rõ nguồn gốc, hàng kém chất lượng đang được bày bán tràn lan ở các chợ, các tỉnh vùng sâu; sản phẩm của các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư nhà máy ở các khu công nghiệp Việt Nam được ưu đãi về thuế nên bán giá thấp để cạnh tranh với Safoco;

- Thị trường xuất khẩu cũng đang gặp khó khăn do các tiêu chuẩn nhập khẩu vào thị trường này đang ngày càng khắt khe, đặt biệt là thị trường Mỹ khi Đạo luật Hiện đại hóa an toàn thực phẩm của Mỹ (FSMA) có hiệu lực trong tháng 9/2017, thay vì chỉ kiểm soát chất lượng an toàn thực phẩm ở cảng nhập khẩu tại Mỹ, thì FDA sẽ giám sát trên toàn chuỗi và có tần suất kiểm tra bắt buộc đối với các cơ sở

sản xuất xuất khẩu vào Mỹ, đã gây khó khăn rất lớn cho các doanh nghiệp trong nước, trong đó có Safoco.

Mặt khác, trong quý III, tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, mưa bão, lũ quét, sạt lở đất tại khu vực miền núi phía Bắc và miền Trung, nên sản lượng bán ra tại các khu vực này có giảm, do đặc thù sản phẩm Safoco phải qua công đoạn nấu chế biến.

Ngoài ra, Công ty cũng bị ảnh hưởng bởi việc tăng giá một số nguyên liệu đầu vào (như: bột mì, bột gạo,...), tăng chi phí vận chuyển, chiết khấu, khuyến mại,…. dẫn đến chi phí đầu ra tăng cao trong khi giá thành yêu cầu phải thấp mới đủ sức cạnh tranh với sản phẩm trong và ngoài nước.

Năm 2017 mặc dù tình hình thị trường có khó khăn như đã nêu trên nhưng HĐQT đã tập trung giám sát, chỉ đạo kịp thời, cùng với sự điều hành linh hoạt, sáng tạo của Ban Tổng giám đốc, khai thác tốt thế mạnh của 4 nhóm sản phẩm (Mì sợi, Nui, Bún, Bánh Tráng). Kết hợp đội ngũ quản lý có trình độ, kinh nghiệm, công nhân có tâm huyết, tay nghề cao đã thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh (SXKD) đều tăng trưởng cao so với năm 2016, cụ thể như:

a) Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Tất cả các chỉ tiêu kinh doanh của công ty thực hiện trong năm 2017 đều vượt so với kế hoạch năm 2017 và tăng trưởng so cùng kỳ năm 2016.

- Tổng sản lượng bán ra đạt 12.696 tấn sản phẩm, bằng 113,36 % kế hoạch 2017, tăng trưởng 14,18 % so với thực hiện năm 2016;

- Tổng doanh thu đạt 934,3 tỷ đồng, bằng 103,81 % kế hoạch 2017, tăng trưởng 5,64 % so với thực hiện năm 2016;

- Lợi nhuận trước thuế đạt 41,316 tỷ đồng, bằng 109,88 % kế hoạch 2017, tăng trưởng 9,93 % so với thực hiện năm 2016.

b) Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực

- Công ty luôn thực hiện đúng và đầy đủ chế độ, chính sách về bảo hiểm, tiền lương, tiền thưởng và các phúc lợi theo qui định của pháp luật Nhà nước và Công ty;

- Công ty luôn đảm bảo thu nhập cho người lao động (NLĐ) được ổn định, tăng trưởng hàng năm, đánh giá NLĐ theo năng suất và hiệu quả công việc, đem lại cơ hội công bằng cho tất cả NLĐ, tạo điều kiện để NLĐ phát huy năng lực tối đa;

- Chú trọng đến công tác phát triển nguồn nhân lực, có giải pháp đãi ngộ và thu hút lao động có trình độ kỹ thuật, chuyên môn cao giúp cho công tác quản lý và kế hoạch xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa đạt hiệu quả.

c) Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Năm 2017, Công ty đã thực hiện công tác đầu tư Mua sắm - xây dựng cơ bản (XDCB) với tổng giá trị 6.178 triệu đồng, trong đó:

- Hoàn thành 05 hạng mục đầu tư Mua sắm : 3.091 triệu đồng;

- Hoàn thành 03 hạng mục đầu tư XDCB : 2.519 triệu đồng;

- Thực hiện dở dang 05 hạng mục đầu tư mua sắm : 568 triệu đồng.

Các hạng mục công trình đầu tư XDCB và mua sắm tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh đều được công ty triển khai kịp thời, đúng quy định, minh bạch, tiết kiệm và có hiệu quả thông qua tham khảo giá, so sánh giá với thị trường, có giám sát chặt chẽ và tiết kiệm chi phí, đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ và việc khai thác sử dụng có hiệu quả góp phần tăng năng suất và phát triển vốn.

d) Công tác Bảo vệ môi trường

Là doanh nghiệp sản xuất, Công ty luôn nhận thức rằng hoạt động sản xuất chế biến của Công ty sẽ có những tác động đến môi trường xung quanh. Do vậy, Công ty đã:

- Tuân thủ tốt các quy định của pháp luật về môi trường;

- Thực hiện nhiều giải pháp để giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường;

- Thường xuyên tuyên truyền, nhắc nhở NLĐ có ý thức tiết kiệm điện - nước khi sử dụng, chung tay xây dựng môi trường làm việc xanh - sạch - đẹp và không khói thuốc.

Năm 2017, Công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý và bảo vệ môi trường, được đánh giá tốt qua các cuộc kiểm tra định kỳ của các cơ quan chức năng, được sự ủng hộ của cộng đồng dân cư khu vực xung quanh nhà máy.

đ) Hoạt động xã hội từ thiện

Công ty đã xác định phát triển kinh doanh phải luôn gắn kết trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội, đây cũng chính văn hóa của Công ty. Do đó, phong trào đền ơn đáp nghĩa, hoạt động xã hội từ thiện được Công ty duy trì phát động hàng năm và được Cổ đông, toàn thể CB.CNV.LĐ hưởng ứng tham gia bằng những việc làm cụ thể như: Xây dựng 04 căn nhà tình nghĩa cho các hộ gia đình chính sách gặp khó khăn; Đến thăm và tặng quà cùng các sản phẩm Safoco cho các gia đình chính sách gặp khó khăn nhân ngày Thương binh liệt sỹ; Đóng góp ủng hộ Quỹ "Vì Biển đảo quê hương – Vĩ tuyến đầu của Tổ quốc", Quỹ vì người nghèo "Thành phố nghĩa tình – kết nối yêu thương"; Đóng góp 01 ngày lương Ủng hộ đồng bào miền Trung với số tiền 81 triệu đồng.

Tổng số tiền hoạt động xã hội từ thiện trong năm 2017 là: 923 triệu đồng (trong đó: từ quỹ Cổ đông là 450 triệu đồng, Công ty là 473 triệu đồng).

e) Các giải thưởng nhận được trong năm 2017

- 13 năm liền được bình chọn Danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao.

- Năm 2017, Công ty tiếp tục được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội công nhận là 01 trong 30 doanh nghiệp minh bạch nhất HNX (2016 - 2017).

- Ngày 17/4/2017, Công ty vinh dự được Cục trưởng Cục thuế Tp.Hồ Chí Minh tặng Giấy khen về thành tích thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế năm 2016.

2. Đánh giá tình hình hoạt động và thù lao của HĐQT năm 2017

HĐQT Công ty đã triển khai các hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

Năm 2017, HĐQT đã thực hiện 04 phiên họp thường kỳ và 02 phiên họp bằng văn bản để xem xét, quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT, với sự mở rộng tham gia dự họp của các thành viên BKS. Trong năm, HĐQT công ty thường xuyên giám sát hoạt động SXKD của Công ty và công tác điều hành của của Ban Tổng giám đốc. Đồng thời, HĐQT lắng nghe đóng góp ý kiến của BKS với Ban TGĐ về hoạt động điều hành để thực hiện nhiệm vụ do ĐHĐCĐ đề ra.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc và Ban điều hành được thêm phần thuận lợi vì có Chủ tịch HĐQT chuyên trách nên thường xuyên tham dự các cuộc họp, hội nghị của Công ty. Qua đó có cơ sở đánh giá công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong việc tuân thủ các quy định nhà nước, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của HĐQT đối với công tác điều hành sản xuất kinh doanh.

Trong năm, Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của công ty giúp cho Ban Tổng giám đốc quản trị rất tốt từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ; nghiên cứu cải tiến quy trình công nghệ và thiết kế chế tạo các dây chuyền thiết bị đáp ứng nhu cầu sản xuất, gắn liền với xây dựng, củng cố bộ máy tổ chức nhân sự nhằm tăng cường đội ngũ cán bộ có năng lực,… tạo tiền đề cho công ty phát triển bền vững.

Nhìn chung, trong bối cảnh năm 2017 đầy khó khăn thách thức, HĐQT công ty đã tập trung giám sát, chỉ đạo và đã thực hiện tốt các nhiệm vụ theo tinh thần nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2017, duy trì ổn định mọi mặt hoạt động của công ty.

Các thành viên HĐQT đều tích cực hoạt động theo nhiệm vụ được phân công, góp phần thúc đẩy cho sự phát triển của Công ty. Từng cuộc họp HĐQT đều có tài liệu đầy đủ chính xác để các thành viên tham gia đóng góp quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty.

Tổng số tiền thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2017 là 312.000.000 đồng, trong đó:

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách hưởng lương nên không có thù lao.

- Các thành viên HĐQT thù lao là 6.500.000 đồng/người/tháng.

3. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT

Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức họp định kỳ hằng quý và bất thường với tổng số 06 cuộc họp (04 cuộc họp HĐQT thường kỳ tập trung, 02 cuộc họp HĐQT để để ban hành Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) để quản lý, chỉ đạo các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư và chiến lược phát triển của SAFOCO.

Các chỉ đạo, chiến lược, quyết sách của HĐQT đều được ban hành bằng Nghị quyết và Quyết định để Tổng giám đốc triển khai thực hiện.

Nội dung các Nghị quyết và Quyết định đã được thể hiện trên Báo cáo quản trị Công ty năm 2017 và đã được công bố thông tin theo quy định.

4. Đánh giá kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc

HĐQT đánh giá cao hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong hoạt động SXKD. Ban Tổng giám đốc đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hợp lý và hiệu quả, thực hiện đúng các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT để đảm bảo mang lại lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và Cổ đông của công ty.

Ban Tổng giám đốc đã chủ động nắm bắt thời cơ, có nhiều linh hoạt sáng tạo, chỉ đạo điều hành quyết liệt ở tất cả các lĩnh vực nên kết quả năm 2017 tiếp tục đạt mức tăng trưởng cao. Trọng tâm là những công việc:

- Hoàn thành xuất sắc hoạt động SXKD năm 2017 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017. Trong đó, triển khai thực hiện những chiến lược HĐQT đề ra nhanh chóng và có hiệu quả.

- Thực hiện đúng quy định của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về công bố thông tin chính xác, công khai, minh bạch.

- Sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. Thực hiện tốt công tác quản lý tiền hàng, đảm bảo khả năng thanh toán nợ phải trả.

- Nâng cấp nhà xưởng, đầu tư mới và đại tu máy móc thiết bị đúng quy định, nhanh chóng và có tiết kiệm. Khai thác tốt công suất thiết bị, ổn định sản xuất đáp ứng nhu cầu tiêu thụ thị trường.

- Điều hành sản xuất và quản lý chất lượng theo hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm TCVN ISO 9001:2008 và đánh giá mức độ an toàn vệ sinh thực phẩm theo Tiêu chuẩn HACCP.

- Đảm bảo việc làm cho 100% người lao động với mức thu nhập bình quân13,646 triệu đồng/người/tháng tăng gần 9,2% so với năm 2016. Các chế độ và quyền lợi cho người lao động trong Công ty được thực hiện đúng Luật lao động và Hợp đồng lao động.

- Ban Tổng giám đốc đã quản lý được những rủi ro và chi phí trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, linh hoạt trong kinh doanh, tìm kiếm khách hàng và thị trường tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu sản phẩm của công ty.

Chính vì vậy, HĐQT tin tưởng với bản lĩnh, kinh nghiệm và sự kiên trì đầy tâm huyết của Tổng giám đốc cùng Ban điều hành sẽ triển khai thực hiện các quyết sách của HĐQT đạt hiệu quả cao góp phần gia tăng sự ổn định trong hoạt động sản xuất, phát triển thị trường trong nước và từng bước chinh phục các thị trường khó tính trong khu vực và quốc tế trong bối cảnh ngày càng hội nhập sâu rộng hơn.

II. PHƯƠNG HƯỚNG KẾ HOẠCH 2018

Năm 2018, theo cam kết hội nhập giữa các quốc gia Asean, hàng rào thuế quan sẽ được xóa bỏ hoàn toàn, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam trong trao đổi hàng hóa, thương mại, phát triển thị trường xuất khẩu,...Tuy nhiên, ở thị trường nội địa các doanh nghiệp cũng gặp thách thức rất lớn khi Việt Nam thực hiện cắt giảm hoàn toàn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu từ cộng đồng AEC về 0%, các sản phẩm cùng chủng loại với các doanh nghiệp nước ngoài tràn vào

Việt Nam gây sức ép cạnh tranh rất khốc liệt cho các doanh nghiệp trong nước, trong đó có Safoco.

Theo Nghị định 141/2017/NĐ-CP của Chính phủ, kể từ ngày 25/01/2018 mức lương tối thiểu vùng tăng 6,5%, làm tăng các khoản trích nộp BHXH, Công đoàn,… Mặt khác, theo quy định tại Luật Bảo hiểm Xã hội số 58/2014/QH13, từ ngày 01/01/2018 trở đi, người lao động đóng BHXH dựa trên mức lương, phụ cấp và nhiều khoản bổ sung khác ghi trong hợp đồng lao động làm tăng chi phí lương rất lớn cho Công ty.

Mặc dù tình hình kinh tế trong nước tạo ra nhiều cơ hội thuận lợi nhưng cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức trước sự cạnh tranh ngày càng gay gắt khi Việt Nam hội nhập sâu rộng vào kinh tế quốc tế. Chính vì vậy, để giữ vững sự phát triển của Công ty, đòi hỏi HĐQT cùng Ban điều hành phải tập trung trí tuệ xây dựng các giải pháp kịp thời để chỉ đạo điều hành hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2018 mà HĐQT sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua như sau:

1. Các chỉ tiêu cơ bản:

- Sản lượng bán ra : 13.500 tấn sản phẩm
- Tổng Doanh thu : 950 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 42 tỷ đồng
- Dự kiến mức chia cổ tức : 30 %/CP
- Kế hoạch Đầu tư XDCB và mua sắm TSCĐ ước khoảng 27.254 triệu đồng.

2. Các giải pháp thực hiện:

- Luôn đặt tiêu chí chất lượng lên hàng đầu, kiểm tra chặt chẽ nguyên phụ liệu đầu vào, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, đa dạng hóa sản phẩm, mẫu mã bao bì,… cam kết sản xuất và cung cấp ra thị trường sản phẩm có chất lượng cao, an toàn VSTP, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng pháp luật quy định và đáp ứng được yêu cầu của thị trường.

- Khai thác, vận hành hệ thống dây chuyền sản xuất một cách hiệu quả, kiểm soát tiêu hao chi phí nguyên liệu, hợp lý hóa quy trình sản xuất, tăng thu hồi thành phẩm, giảm giá thành, nâng sức cạnh tranh.

- Giữ vững khách hàng truyền thống, tiếp tục mở rộng thị trường nội địa và xuất khẩu, đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng, phát triển mạng lưới phân phối, đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động bán hàng, tiêu thụ sản phẩm, nâng cao chất lượng công tác thị trường, công tác quảng bá thương hiệu, đáp ứng các yêu cầu của khách hàng một cách nhanh chóng, hiệu quả.

- Tăng cường tiếp xúc thương mại với các đối tác nước ngoài thông qua các Hội chợ thương mại quốc tế để tìm thêm khách hàng mới và quảng bá thương hiệu, đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm mang thương hiệu Safoco ra thị trường nước ngoài.

- Đối với các loại hình kinh doanh khác như: ăn uống, mua bán vật liệu xây dựng, hàng công nghệ phẩm,… cải tiến phương pháp kinh doanh, mua hàng tận gốc, bán ra giá rẻ và khai thác thêm khách hàng, quay nhanh vòng vốn, tối đa hóa lợi nhuận.

- Tiếp tục kiểm soát vốn chặt chẽ, đối chiếu và thu hồi công nợ đúng quy định trong các hợp đồng đã ký; chủ động sắp xếp các nguồn vốn phục vụ kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Giám sát việc thực hành tiết kiệm triệt để chi phí trong hoạt động SXKD nhằm góp phần giảm giá thành, mang lại hiệu quả chung cho Công ty.

- Duy trì báo cáo tài chính định kỳ quý, năm kịp thời, công khai minh bạch để giúp các nhà đầu tư nắm bắt được các thông tin chính xác.

- Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ hoặc kỹ năng tay nghề cho phù hợp với mục tiêu phát triển Công ty theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa, nâng cao năng suất lao động.

- Quan tâm, chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Nghiên cứu, đề xuất các chính sách đãi ngộ phù hợp để giữ và thu hút lao động.

Với sự thuận lợi của Công ty về: năng lực sản xuất, vị thế sức mạnh thương hiệu, chính sách bán hàng và hệ thống phân phối, năng lực của đội ngũ lãnh đạo cùng sự đoàn kết làm việc nhiệt tình của toàn thể người lao động trong Công ty, HĐQT tin rằng hoạt động SXKD của Công ty năm 2018 sẽ tiếp tục đạt được những thành côngnơn năm 2017 và những năm tiếp theo.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Trần Hoàng Thao

CÔNG TY CỔ PHẦN **LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 110/BC-SAF/HĐQT	*Tp.Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2018*

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ III (2013 - 2017)
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ IV (2018 - 2022)

Phần I
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ III (2013 -2017)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Nhiệm kỳ 2013 – 2017, diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi sau suy thoái toàn cầu, các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên minh Châu Âu đạt mức tăng trưởng khả quan. Kinh tế trong nước giai đoạn này đã có những chuyển biến khá tích cực, mở ra nhiều cơ hội phát triển mới cho các doanh nghiệp trong nước do Chính phủ đã tạo mọi điều kiện để doanh nghiệp phát triển như: đàm phán và ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do (FTAs), thực hiện hàng loạt chính sách thúc đẩy cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu, thúc đẩy các doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị và mạng phân phối toàn cầu,…

Nhưng bên cạnh nhiều cơ hội thuận lợi cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức đối với các doanh nghiệp sản xuất chế biến, trong đó có Công ty Safoco, cụ thể như sau:

- Tình hình biến động tỷ giá ngoại tệ, ảnh hưởng đến sản lượng bán của doanh nghiệp trên thị trường xuất khẩu;

- Quy định của Bộ Y tế về thông tin sản phẩm trên bao bì phải thay đổi 5 năm/lần nên phát sinh chi phí rất lớn do phải làm lại bao bì mới và công bố lại chất lượng hàng hóa;

- Sự cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp trong nước với nhau và sức ép cạnh tranh từ hàng hóa của các nước Asean,…

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ III (2013 - 2017)

1. Tình hình nhân sự

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2013 đã bầu ra Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ III (2013 - 2017) với 05 thành viên, gồm:

Họ và tên	Cổ đông / Đại diện cổ đông lớn	Chức danh
1. Ô. Nguyễn Ngọc Nam	Đại diện phần vốn góp của Vinafood II, tỷ lệ 20% VĐL	Chủ tịch HĐQT chuyên trách
2. B. Phạm Thị Thu Hồng	Cổ đông lớn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
3. Ô. Huỳnh Anh Minh	Đại diện phần vốn góp của Vinafood II, tỷ lệ 10% VĐL	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
4. Ô. Phạm Văn Tỏ	Đại diện phần vốn góp của Vinafood II, tỷ lệ 11,29% VĐL	Thành viên HĐQT
5. Ông Trần Văn Hậu	Đại diện phần vốn góp của Cty CP Phát triển Hùng Hậu, tỷ lệ 17,49% VĐL	Thành viên HĐQT

Tại các kỳ ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 và 2017, đã phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm tạm thời thành viên thay thế cho thành viên được miễn nhiệm theo nguyện vọng. Cụ thể như sau:

- Tháng 02/2014, bầu bổ sung ông Nguyễn Hạnh Phúc là thành viên HĐQT, thay thế ông Nguyễn Ngọc Nam được miễn nhiệm theo đơn xin từ nhiệm;

- Tháng 8/2016, bầu bổ sung ông Trần Hoàng Thao là thành viên HĐQT, thay thế ông Nguyễn Hạnh Phúc được miễn nhiệm theo đơn xin từ nhiệm;

- Tháng 3/2017, bầu bổ sung ông Nguyễn Công Minh Khoa làm thành viên HĐQT, thay thế ông Phạm Văn Tỏ được miễn nhiệm theo đơn xin từ nhiệm.

Ngoài ra, trong tháng 7/2017, HĐQT đã bầu bổ sung ông Nguyễn Văn Sang làm thành viên HĐQT, thay thế ông Trần Văn Hậu được miễn nhiệm vì lý do cá nhân. Đến thời điểm báo cáo, thành viên HĐQT theo danh sách như sau:

Họ và tên	Chức danh	Cơ cấu hoạt động
1. Ô. Trần Hoàng Thao	Chủ tịch HĐQT	Chuyên trách
2. B. Phạm Thị Thu Hồng	Thành viên	Kiêm nhiệm Tổng giám đốc
3. Ô. Huỳnh Anh Minh	Thành viên	Không chuyên trách
4. Ô. Nguyễn Công Minh Khoa	Thành viên	Kiêm nhiệm Phó Tổng giám đốc
5. Ô. Nguyễn Văn Sang	Thành viên	Không chuyên trách

Ghi chú: *Ông Huỳnh Anh Minh, không là Phó Tổng giám đốc (đã nghỉ việc) kể từ ngày 14/02/2018.*

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

HĐQT đã đề ra kế hoạch, phương hướng, chỉ tiêu sản xuất kinh doanh (SXKD) hàng quý, công tác đầu tư xây dựng cơ bản và giao cho Tổng Giám đốc (TGĐ) triển khai thực hiện.

Đồng thời, HĐQT thực hiện chức năng giám sát để đảm bảo kết quả đạt được theo đúng mục tiêu, định hướng và kế hoạch đã đề ra. Kết quả như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện từ năm 2013 đến năm 2017				
			2013	2014	2015	2016	2017
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	8.523	9.656	9.947	11.407	12.644
2	Sản lượng bán ra	- nt -	8.574	9.320	9.845	11.119	12.696
3	Doanh thu thuần	Triệu đồng	630.850	672.831	737.789	877.714	931.036
4	Lợi nhuận trước thuế	- nt -	27.505	30.932	34.250	37.585	41.316
5	Lợi nhuận sau thuế	- nt -	20.441	23.927	26.513	29.863	32.895
6	Nộp ngân sách	- nt -	26.887	27.477	29.208	30.593	35.573
7	Vốn điều lệ	- nt -	45.458	59.093	59.093	79.182	79.182
8	Tổng tài sản	- nt -	134.213	144.473	138.679	166.139	166.350

2.1-Về quy mô công ty

- Vốn điều lệ năm 2017 đạt 79,182 tỷ đồng, tăng 74,2% so với năm 2013, thông qua 02 đợt tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu;

- Tổng tài sản năm 2017 đạt 166,35 tỷ đồng tăng 23,9 %so với năm 2013.

2.2-Về sản xuất kinh doanh

- Quy trình sản xuất luôn có sự giám sát nghiêm ngặt, kiểm soát chặt chẽ theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001, HACCP và đáp ứng được những tiêu chuẩn khắt khe về an toàn vệ sinh thực phẩm (ATVSTP) của Việt Nam và các quốc gia nhập khẩu.

Trong đó, phòng thí nghiệm được đầu tư thêm nhiều phương tiện, thiết bị đáp ứng việc kiểm nghiệm nhiều tiêu chí hóa lý vi sinh kịp thời chính xác đảm bảo phù hợp theo công bố chất lượng với Cục an toàn thực phẩm.

- Với 4 nhóm sản phẩm chính Mì, Nui, Bún, Bánh tráng, đa dạng mẫu mã hàng hóa nhưng tất cả đều có thuộc tính chung là chất lượng và dinh dưỡng cao. Nhờ đó, sản phẩm Safoco có uy tín vững chắc trên thị trường nội địa và quốc tế, cho nên:

+ Sản lượng tiêu thụ trên thị trường nội địa tăng hằng năm, mạng lưới phân phối mở rộng khắp các tỉnh thành trên toàn quốc: từ 900 nhà phân phối năm 2013 tăng đến 1.600 nhà phân phối năm 2017;

+ Thị trường xuất khẩu phát triển, nhiều quốc gia đã tin tưởng sử dụng sản phẩm Safoco như các nước thuộc Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ, khối EU..

2.3-Về đầu tư mua sắm, xây dựng cơ sở vật chất.

Việc thực hiện công tác đầu tư phát triển của công ty nhiệm kỳ qua đều được định hướng từ các nghị quyết của HĐQT đã được Ban TGĐ cân nhắc, lựa chọn tính toán phương án để quyết định các hạng mục, công trình thực sự cần thiết và phù hợp với khả năng triển khai của Công ty, có hiệu quả trong từng giai đoạn, đảm bảo nhu cầu SXKD, tăng năng lực cạnh tranh và mở rộng sản xuất, điển hình là:

Đầu tư Xây dựng & Mua sắm TSCĐ	**ĐVT**	**2013**	**2014**	**2015**	**2016**	**2017**
	Tỷ đồng	8,145	8,702	4,274	27,678	6,178

Năm 2016, Công ty đã đầu tư mua căn nhà làm trụ sở cho Chi nhánh Hà Nội ở số 39 BT1, khu Đô thị mới Pháp Vân với giá trị 22,915 tỷ đồng và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Tp.Hà Nội cấp Sổ hồng cho tài sản trên với thời hạn sử dụng lâu dài.

Công ty đã sử dụng nguồn vốn tự có tích lũy gần 55 tỷ đồng để đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển,… đảm bảo mục tiêu đầu tư phù hợp với sự phát triển của Công ty.

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ III (2013 - 2017)

1. Về thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên

Trong nhiệm kỳ III vừa qua, HĐQT đã tổ chức 29 phiên họp thường kỳ và 14 phiên họp bằng phiếu lấy ý kiến theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty. Trong các cuộc họp HĐQT đã có những định hướng hợp lý, chỉ đạo quyết liệt để hoàn thành tốt nhiệm vụ ĐHĐCĐ đã giao phó. Cụ thể như sau:

- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế, mức trích thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ hàng năm, năm sau cao hơn năm trước;

- Chi cổ tức hàng năm kịp thời, duy trì ổn định ở mức cao tỷ lệ từ 30 - 35% trên vốn điều lệ và trong nhiệm kỳ có 02 lần chi thưởng bằng cổ phiếu.

Nội dung	**ĐVT**	**2013**	**2014**	**2015**	**2016**	**2017**
Cổ tức	%	31	30	35	27	30 (*)
Cổ phiếu thưởng	%	24		27		

(*) : *cổ tức dự kiến*

- Thù lao cho thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và Thư ký theo đúng mức Nghị quyết của ĐHĐCĐ;

- Lựa chọn Công ty Kiểm toán có kinh nghiệm và năng lực để chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty theo ủy quyền ĐHĐCĐ;

- Thu nhập của người lao động được nâng dần theo từng năm.

Nội dung	2013	2014	2015	2016	2017
Thu nhập bình quân *(triệu đồng/người/tháng)*	8,9	10,87	11,3	12,5	13,6

2. Công tác giám sát Tổng giám đốc và ban điều hành

HĐQT cũng thường xuyên giám sát, tham gia các phiên họp của Ban điều hành, nên nắm rõ tình hình hoạt động của từng nơi. Nhờ đó, các quyết sách, giải pháp của HĐQT đã kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quản trị điều hành, hạn chế rủi ro làm ảnh hưởng đến hiệu quả của công ty.

- TGĐ và Ban điều hành đã quán triệt các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, đưa ra các giải pháp phù hợp đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty được liên tục, ổn định, thị trường và thị phần ngày càng mở rộng, uy tín thương hiệu Safoco ngày càng phát triển, đời sống người lao động được nâng cao, lợi ích cổ đông được đảm bảo;

- Tình hình tài chính lành mạnh, minh bạch, nguồn vốn được bảo toàn và phát triển. Báo cáo tài chính của Công ty hằng năm đều được đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán;

- Mọi mặt hoạt động của công ty đều tuân thủ quy định tại Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ công ty và các văn bản pháp lý liên quan.

3. Kết luận

Nhiệm kỳ III (2013 - 2017) đã kết thúc, HĐQT hoàn thành nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao với kết quả: vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch, nguồn vốn được bảo toàn và phát triển, lợi nhuận tăng trưởng, sản phẩm chất lượng cao, nâng cao vị thế và uy tín thương hiệu Công ty Safoco.

Thành tích đạt được trong nhiệm kỳ III vừa qua là thành quả cho sự nỗ lực, quyết tâm cao của tập thể người lao động Công ty. Bên cạnh kết quả đáng tự hào này, HĐQT nhận thấy vẫn còn hạn chế về nguồn nhân lực của Công ty chưa đáp ứng được yêu cầu so với quy mô và sự phát triển của Công ty. HĐQT nhiệm kỳ mới sẽ khắc phục hạn chế trên để nâng chất lượng nguồn nhân lực cho sự phát triển của Công ty ngày càng vững chắc.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG KẾ HOẠCH NHIỆM KỲ IV (2018 - 2022)

I. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NHIỆM KỲ IV (2018 - 2022)

HĐQT Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco định hướng chiến lược để ổn định và phát triển thị trường như sau:

1. Sản phẩm chủ lực

- Luôn xác định chất lượng sản phẩm đóng vai trò quyết định cho uy tín thương hiệu và sự phát triển của doanh nghiệp. Trong đó, sản phẩm Safoco phải đáp ứng nhu cầu của khách hàng cho từng thời điểm;

- Thực hiện tôn chỉ của Safoco là: "Đặt lợi ích sức khỏe của người tiêu dùng lên trên hết", sản phẩm Safoco luôn phấn đấu vượt qua những rào cản về kỹ thuật, đem đến cho người tiêu dùng sản phẩm Safoco (Mì sợi, Nui, Bún, Bánh tráng) đạt an toàn thực phẩm theo các tiêu chuẩn quy định của cơ quan chức năng cũng như của các nước nhập khẩu;

- Nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới đưa ra thị trường để gia tăng sản lượng.

2. Giữ vững và phát triển thương hiệu

- Tăng cường khảo sát thị trường (trong nước và quốc tế), mở kênh tiếp nhận thông tin về sản phẩm và chú trọng cải tiến nâng cao công nghệ sản xuất;

- Cam kết cung cấp cho người tiêu dùng sản phẩm Mì sợi, Nui, Bún, Bánh tráng chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn ATVSTP;

- Công ty tiếp tục và duy trì đăng ký bảo hộ nhãn hiệu độc quyền sản phẩm ở tất cả các nước thuộc Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ, khối EU…;

- Hoàn thành tốt nghĩa vụ của doanh nghiệp như: nộp thuế đầy đủ và kịp thời, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, ổn định việc làm cho người lao động, sản xuất sạch để đảm bảo môi trường lành mạnh cho dân cư lân cận và tích cực tham gia các công tác từ thiện.

3. Phát triển mạng lưới phân phối trên thị trường nội địa và quốc tế

- Phát triển mạng lưới phân phối trên 2.000 điểm phân phối, đại lý, hệ thống siêu thị bao gồm: Co-op mart, Co-op Food, Big C, Mega Market, Emart, và các siêu thị, cửa hàng Vinmart, siêu thị Satra mart, SatraFood, Siêu thị Auchan …., cửa hàng, trường học, nhà trẻ, quán ăn … Đồng thời, tiếp tục phát huy hiệu quả các chính sách bán hàng ưu việt của Công ty;

- Thường xuyên khảo sát, tìm hiểu thị trường, mở thêm đại lý bán hàng, hệ thống siêu thị và các khu vực khác còn bỏ ngõ;

- Nghiên cứu, cải tiến và hoàn chỉnh quy trình sản xuất đảm bảo đạt về kỹ thuật và an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn của từng thị trường quốc tế để đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu.

4. Xây dựng đội ngũ nhân sự sáng tạo

Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao để hiệu quả hoạt động của công ty được tăng cao, gắn với năng lực sáng tạo của lãnh đạo Công ty và đảm bảo nhân sự cấp cao được ổn định trong thời gian dài đáp ứng công tác hoạch định, kiểm tra, thực hiện các chiến lược từ ngắn hạn, trung hạn đến dài hạn.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NHIỆM KỲ IV(2018 – 2022)

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện nhiệm kỳ III (2013-2017)	Kế hoạch nhiệm kỳ IV (2018-2022)	Thực hiện NK III/Kế hoạch NK IV
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	51.554	63.000	122,20%
2	Doanh thu	Triệu đồng	3.850.220	5.000.000	129,86%
3	Lợi nhuận trước thuế	- nt -	171.588	250.000	145,70%
4	Vốn điều lệ	- nt -	79.182	**120.000	151,55%
5	Cổ tức bình quân/năm	%	30	30	100,00%

(**): Dự kiến tăng vốn điều lệ bằng phương thức phát hành thêm cổ phiếu từ nguồn đầu tư phát triển và lợi nhuận chia cổ tức.

Với năng lực, quyết tâm và sức mạnh trong truyền thống đoàn kết nội bộ, cùng với sự tín nhiệm, tin tưởng của Quý cổ đông, Nhà đầu tư và vị thế của Safoco trên thương trường, HĐQT nhiệm kỳ III (2013 - 2017) tin tưởng HĐQT nhiệm kỳ IV (2018 - 2022) sẽ đồng hành cùng Ban điều hành và toàn thể người lao động Safoco nỗ lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao để sự phát triển của Công ty ngày càng vững chắc, quyền lợi của người lao động và cổ đông được tăng trưởng.

Trân trọng kính chào ./.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Trần Hoàng Thao

Số: /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco được lập ngày 12 tháng 01 năm 2018, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính .

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Ngô Minh Quý	**Nguyễn Thái**
Giám đốc	Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2018-002-1	Số: 1623-2018-002-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2018

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of HLB International
aasc.com.vn HÃNG KIỂM TOÁN AASC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**131.122.471.968**	**130.510.179.867**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**54.441.380.433**	**15.549.920.501**
111	1. Tiền		12.441.380.433	5.549.920.501
112	2. Các khoản tương đương tiền		42.000.000.000	10.000.000.000
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**4**	**4.002.150.000**	**5.157.150.000**
121	1. Chứng khoán kinh doanh		2.150.000	2.150.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		4.000.000.000	5.155.000.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**23.574.276.140**	**28.511.625.107**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	21.438.169.361	27.816.860.589
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.530.240.000	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	605.866.779	694.764.518
140	**IV. Hàng tồn kho**	**8**	**48.870.963.395**	**81.142.268.760**
141	1. Hàng tồn kho		48.870.963.395	81.142.268.760
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**233.702.000**	**149.215.499**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	233.702.000	149.215.499
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**35.227.442.333**	**35.628.377.189**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**39.000.000**	**39.000.000**
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	39.000.000	39.000.000
220	**II. Tài sản cố định**		**34.899.636.450**	**35.589.377.189**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	15.160.600.450	15.850.341.189
222	- *Nguyên giá*		*107.851.210.815*	*103.149.173.892*
223	- *Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(92.690.610.365)*	*(87.298.832.703)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	19.739.036.000	19.739.036.000
228	- *Nguyên giá*		*19.739.036.000*	*19.739.036.000*
229	- *Giá trị hao mòn luỹ kế*		-	-
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**		**288.805.883**	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	288.805.883	-
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**166.349.914.301**	**166.138.557.056**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**49.986.154.717**	**55.861.752.905**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**49.986.154.717**	**55.861.752.905**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	16.400.578.103	24.901.870.714
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	2.825.599.020	1.128.054.096
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	4.057.797.185	3.583.418.495
314	4. Phải trả người lao động		14.130.634.844	16.228.432.292
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	5.713.962.517	5.911.623.832
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		6.857.583.048	4.108.353.476
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**116.363.759.584**	**110.276.804.151**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	17	**116.363.759.584**	**110.276.804.151**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		79.181.540.000	79.181.540.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*79.181.540.000*	*79.181.540.000*
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		3.826.444.119	840.094.404
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		33.355.775.465	30.255.169.747
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*460.279.660*	*391.672.599*
421b	*LNST chưa phân phối năm nay*		*32.895.495.805*	*29.863.497.148*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**166.349.914.301**	**166.138.557.056**

Đỗ Ngọc Thắm	**Nguyễn Thị Nga**	**Phạm Thị Thu Hồng**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**19**	**931.099.324.303**	**877.986.584.233**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	62.974.978	272.517.665
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**931.036.349.325**	**877.714.066.568**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**21**	**822.116.125.736**	**784.174.406.093**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**108.920.223.589**	**93.539.660.475**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	1.745.379.312	1.945.361.565
22	7. Chi phí tài chính	23	111.453.840	111.604.774
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	24	53.784.831.249	43.089.550.642
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	16.799.886.772	18.119.306.251
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**39.969.431.040**	**34.164.560.373**
31	11. Thu nhập khác	26	1.518.469.599	4.720.203.585
32	12. Chi phí khác	27	172.038.743	1.300.180.359
40	**13. Lợi nhuận khác**		**1.346.430.856**	**3.420.023.226**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**41.315.861.896**	**37.584.583.599**
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	8.420.366.091	7.721.086.451
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**32.895.495.805**	**29.863.497.148**
70	**18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**29**	**3.589**	**3.206**

Đỗ Ngọc Thắm	**Nguyễn Thị Nga**	**Phạm Thị Thu Hồng**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		981.492.480.220	924.494.418.556
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(777.242.486.326)	(777.020.901.169)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(104.218.115.811)	(91.958.468.350)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(8.004.116.558)	(7.671.206.202)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.787.249.967	3.832.220.181
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(30.043.173.829)	(37.125.008.378)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***64.771.837.663***	***14.551.054.638***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(7.261.966.616)	(27.203.213.165)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		77.500.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(4.000.000.000)	(10.155.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5.155.000.000	30.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.528.148.784	1.640.805.662
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(4.501.317.832)***	***(5.717.407.503)***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(21.379.015.800)	(16.545.933.600)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(21.379.015.800)***	***(16.545.933.600)***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**38.891.504.031**	**(7.712.286.465)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**15.549.920.501**	**23.261.936.631**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(44.099)	270.335
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**3**	**54.441.380.433**	**15.549.920.501**

Đỗ Ngọc Thắm	**Nguyễn Thị Nga**	**Phạm Thị Thu Hồng**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 02/2018/SAF-BKS	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2018*

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Kính thưa đại hội!

Thưa toàn thể quý vị cổ đông!

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco và các quy định có liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS), các kiểm soát viên đã họp và nhất trí thông qua Báo cáo hoạt động năm 2017 của BKS tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2018, như sau:

I. VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Về tổ chức các cuộc họp, làm việc

- Trong năm 2017, BKS đã tổ chức 04 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên để đánh giá kết quả công việc đã thực hiện trong quý, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị (HĐQT) trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;

- Ngoài ra, BKS đã được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc (TGĐ) ; tham gia thảo luận tại các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp, làm việc khác của công ty;

- Tổng mức thù lao của BKS năm 2017 là 186 triệu đồng, mức thù lao cụ thể:

+ Trưởng BKS thù lao là 6.500.000 đồng/tháng;

+ Các thành viên Ban kiểm soát thù lao là 4.500.000 đồng/ tháng.

- Về chi phí hoạt động của BKS năm 2017: tuân thủ theo quy định của nhà nước và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

2. Các công tác đã thực hiện năm 2017

- BKS chúng tôi đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT; tham gia đầy đủ các buổi kiểm phiếu biểu quyết về việc lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT bằng văn bản thông qua các Tờ trình của Ban điều hành và thực hiện các công việc theo các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp, cụ thể sau:

+ Kiểm tra, giám sát hàng quý trên cơ sở báo cáo thực hiện công tác sản xuất kinh doanh (SXKD), đầu tư xây dựng cơ bản (XDCB) của Công ty;

+ Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo

quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp;

+ Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, tình hình tài chính; Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017, Điều lệ công ty, Pháp luật Nhà nước và các Quy chế nội bộ của HĐQT và Ban điều hành Công ty;

+ Thẩm định, kiểm tra báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính các quý trong năm 2017, báo cáo soát xét sáu tháng đầu năm 2017, báo cáo kết thúc niên độ kế toán năm 2017, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn;

+ Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty. Thảo luận với kiểm toán viên Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; ……

- Hoạt động giám sát của BKS được thực hiện bằng phương thức giám sát trực tiếp, giám sát gián tiếp, giám sát trước, giám sát trong, giám sát sau, do đặc thù của Safoco nên BKS tập trung việc giám sát trước và giám sát trong nhằm phát hiện kịp thời các rủi ro về tài chính, hạn chế trong quản lý tài chính của doanh nghiệp và có cảnh báo, giải pháp xử lý trực tiếp với trong việc quản lý và điều hành công ty.

II. BÁO CÁO GIÁM SÁT, THẨM ĐỊNH VÀ NHẬN XÉT CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Công tác giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc công ty

BKS đảm bảo các chức năng trong việc giám sát hoạt động HĐQT và TGĐ tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; xem xét tính phù hợp của các quyết định của HĐQT và TGĐ. Cụ thể như sau:

a) Hoat động của Hội đồng quản trị

- HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm và bất thường theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định pháp luật. BKS đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định pháp luật và công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu cho hoạt động SXKD của công ty trong năm;

- HĐQT đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty;

- Trong năm 2017, HĐQT đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của công ty giúp cho Ban TGĐ quản trị rất tốt từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ;

- Thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định đối với Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

b) Hoat động của Ban Tổng Giám đốc

Ban TGĐ Công ty đã xây dựng, quản trị rất tốt từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ, cụ thể:

+ Thực hiện khai thác tốt công suất thiết bị, ổn định sản xuất đáp ứng nhu cầu tiêu thụ thị trường; đồng thời nghiên cứu cải tiến quy trình công nghệ, nghiên cứu công nghệ và thiết kế chế tạo các dây chuyền thiết bị đồng bộ hoặc đơn lẻ, tiếp nhận và chuyển giao để phục vụ nhu cầu sản xuất của Công ty;

+ Về điều hành sản xuất và quản lý chất lượng: Ngoài việc thực hiện Quy trình công nghệ theo hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm TCVN ISO 9001:2008 và đánh giá mức độ an toàn vệ sinh thực phẩm Tiêu chuẩn HACCP; Ban điều hành đã nỗ lực Hoàn thành công tác đánh giá Smeta-Sedex năm 2017 về đánh giá việc thực hành Đạo đức và trách nhiệm xã hội trong hoạt động SXKD do tập đoàn QMS thực hiện theo đề nghị của khách hàng với kết quả đạt tiêu chuẩn Smeta-Sedex;

+ Về chế độ chính sách cho người lao động (NLĐ): Các chế độ và quyền lợi cho NLĐ trong Công ty được thực hiện đúng Luật lao động, hợp đồng lao động; việc chi trả tiền lương, tiền thưởng được quan tâm nhiều đối với NLĐ theo đúng chính sách chế độ nhà nước qui định; Tổ chức tập huấn về ATVSLĐ, ATVSTP, diễn tập PCCC – PCCN; Cử công nhân lò hơi học An toàn vận hành thiết bị áp lực nồi hơi;

+ Thường xuyên nâng cao chất lượng, chủng loại sản phẩm, mở rộng hệ thống kênh phân phối, quảng bá thương hiệu, thường xuyên khảo sát, tìm hiểu thị trường...; Đồng thời, thực hiện tốt công tác vận chuyển giao hàng kịp thời, nhanh chóng; xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp;

+ Thực hiện tốt công tác quản lý, đáp ứng công tác kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước: Trong năm 2017, công tác PCCC và hoạt động sản xuất của Công ty được các Phòng Cảnh sát PCCC và Đội Quản lý thị trường đánh giá tốt cho việc tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Ban TGĐ đã chấp hành tốt các qui định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty trong công tác điều hành hoạt động SXKD hợp lý và hiệu quả, thực hiện đúng theo chủ trương quyết định của HĐQT để đảm bảo mang lại lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và Cổ đông của công ty;

- Ban TGĐ đã quản lý được những rủi ro và chi phí trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là trong bối cảnh thị trường đi xuống. Linh hoạt trong kinh doanh, tìm kiếm khách hàng và thị trường tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu sản phẩm của công ty.

c) Nhận xét của Ban kiểm soát

- Các hoạt động của Công ty trong năm qua tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT;

- Hoạt động công bố thông tin của Công ty cũng tuân thủ theo các quy định liên quan áp dụng cho doanh nghiệp niêm yết.

2. Về thẩm định báo cáo tài chính và nhận xét của Ban kiểm soát

2.1. BKS đánh giá hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty là rõ ràng và đáng tin cậy; các số liệu kế toán được phản ánh trung thực tình hình tài chính,

BKS chưa thấy vấn đề gì nghiêm trọng xét trên các phương diện trọng yếu có thể ảnh hưởng đến tính trung thực hợp lý của Báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính quý, bán niên và báo cáo tài chính năm 2017 được lập đầy đủ mẫu biểu theo quy định, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, được Công ty kiểm toán chấp thuận toàn bộ, không có ý kiến ngoại trừ hay khuyến cáo.

2.2. Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco tại ngày 31/12/2017.

Chỉ tiêu	31/12/2017	01/01/2017
A. Tài sản và Nguồn vốn		
I- Tài sản ngắn hạn	**131.122.471.968**	**130.510.179.867**
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	54.441.380.433	15.549.920.501
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.002.150.000	5.157.150.000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	23.574.276.140	28.511.625.107
4. Hàng tồn kho	48.870.963.395	81.142.268.760
5. Tài sản ngắn hạn khác	233.702.000	149.215.499
II- Tài sản dài hạn	**35.227.442.333**	**35.628.377.189**
1. Các khoản phải thu dài hạn	39.000.000	39.000.000
2. Tài sản cố định	34.899.636.450	35.589.377.189
Cộng Tài sản	**166.349.914.301**	**166.138.557.056**
I- Nợ phải trả	**49.986.154.717**	**55.861.752.905**
1. Nợ ngắn hạn	49.986.154.717	55.861.752.905
2. Nợ dài hạn		
II- Vốn chủ sở hữu	**116.363.759.584**	**110.276.804.151**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	79.181.540.000	79.181.540.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	3.826.444.119	840.094.404
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	33.355.775.465	30.255.169.747
-LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	460.279.660	391.672.599
-LNST chưa phân phối kỳ này	32.895.495.805	29.863.497.148
Cộng Nguồn vốn	**166.349.914.301**	**166.138.557.056**
B. Kết quả kinh doanh	**Năm 2017**	**Năm 2016**
- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	931.036.349.325	877.714.066.568
- Doanh thu hoạt động tài chính & thu nhập khác	3.263.848.911	6.665.565.150
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	41.315.861.896	37.584.583.599
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	32.895.494.805	29.863.497.148
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.154	3.772

2.3. Đánh giá hiệu quả hoạt động

a) Thực hiện kế hoạch SXKD (theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 ngày 07/4/2017)

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Tỷ lệ so KH năm %	Tỷ lệ so cùng kỳ %
Tổng Doanh thu	Tr.đ	844.379	900.000	934.229	103,81	105,64
Lợi nhuận trước thuế	"	37.585	37.600	41.315	109,88	109,93

* Về hiệu quả kinh doanh theo ngành, trong đó:

+ Mặt hàng sản xuất chế biến chính: 34.877 triệu đồng chiếm 85 % tổng LN

+ Mặt hàng bách hóa và dịch vụ: 3.458 triệu đồng chiếm 8 % tổng LN

+ Hoạt động tài chính, khác: 2.980 triệu đồng chiếm 7 % tổng LN

b) Nhận xét, đánh giá một số chỉ tiêu tài chính tại ngày 31/12/2017

- Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) tại ngày 31/12/2017: 2,62 lần >1 (thời điểm 01/01/2017 là 2,31), công ty đảm bảo khả năng thanh toán tốt;

- Số vòng quay phải thu ở khách (Doanh thu/Phải thu ở khách hàng bình quân): 38 vòng;

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu: 4,44%;

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn điều lệ: 52,18%.

c) Về quản lý công nợ

- Nợ phải thu đến ngày 31/12/2017 là 23.574 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 14% trên tổng tài sản và 2,5% trên tổng doanh thu bán hàng. Nợ phải thu ngắn hạn khách hàng: 21.438 triệu đồng, Trả trước cho người bán ngắn hạn phát sinh: 1.530 triệu đồng. Trong đó:

+ Cty TNHH TM Hưng Dương: 96 triệu đồng (01 máy cân định lượng);

+ Cty TNHH Năng lượng Đỉnh Việt: 1.252 triệu đồng (cung cấp và lắp đặt thiết bị lò hơi 08 tấn/giờ);

+ Cty TNHH TM DV Ngọc Thọ: 111 triệu đồng (02 máy dò kim loại);

+ Cty TNHH MTV SX TM DV Cơ khí Thanh Bình: 71 triệu đồng (02 hệ thống băng tải nui).

- Nợ phải trả đến ngày 31/12/2017 là 49.986 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 30% trên tổng tài sản (Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: 0,43 lần), chủ yếu:

+ Phải trả người bán ngắn hạn: 16.400 triệu đồng;

+ Người mua trả tiền trước: 2.826 triệu đồng;

+ Thuế và các khoản phải nộp vào NSNN: 4.058 triệu đồng;

+ Phải trả người lao động: 14.130 triệu đồng;

+ Chiết khấu thêm phải trả cho các đại lý, hệ thống siêu thị theo hợp đồng đã ký kết trong năm 2017 là 5.050 triệu đồng;

+ Các khoản phải trả khác là: 664 triệu đồng.

- Đánh giá về việc quản lý công nợ: Công ty đã mở sổ theo dõi chi tiết theo đối tượng (trong nước, xuất khẩu), thực hiện đối chiếu với khách hàng từng tháng, quý tương đối đầy đủ, không để phát sinh nợ khó đòi, không đòi được.

d) Về công tác đầu tư, mua sắm tài sản cố định

- Tài sản cố định tăng trong năm 2017 là 5.610 triệu đồng, bao gồm:

+ Đầu tư xây dựng cơ bản

. Sửa chữa một phần xưởng đóng gói nui: 821 triệu đồng;

. Nâng cấp một phần xưởng đóng gói nui (lầu 1): 772 triệu đồng;

. Cải tạo nhà lò hơi: 925 triệu đồng;

+ Đầu tư mua sắm máy móc thiết bị

. Nhập 02 máy nui đứng công suất lớn: 750 triệu đồng;

. Nhập 06 máy dập bánh tráng: 930 triệu đồng;

. Nhập 01 máy sấy nui: 896 triệu đồng;

. Nhập 01 máy sàn nui và băng tải 400 kg/giờ: 65 triệu đồng;

. Nhập 01 máy sàn nui và băng tải 1.500 kg/giờ: 175 triệu đồng;

. Nhập 01 máy chuyển nguyên liệu gạo: 275 triệu đồng.

- Tài sản cố định giảm trong năm 2017 là 908 triệu đồng.

+ Ống khói lò hơi nguyên giá: 53 triệu đồng;

+ Lò hơi 5 tấn /giờ nguyên giá: 809 triệu đồng;

+ Cụm sàn tạp chất nguyên giá: 46 triệu đồng.

- Tổng giá trị khấu hao TSCĐ năm 2017 là 6.300 triệu đồng.

- Chi phí XDCB dở dang đến ngày 31/12/2017 là 289 triệu đồng

+ Chi phí thẩm định "Lò hơi 8 tấn /giờ" là: 20 triệu đồng;

+ Chi phí lập BC và thẩm tra kinh tế kỹ thuật cải tạo nhà lò hơi: 28 triệu đồng;

+ Mua vật tư tự làm "Máy sấy mì ": 241 triệu đồng.

Công ty đã thực hiện theo quy định về trình tự, thủ tục, tính tuân thủ trong đầu tư XDCB từ khâu chủ trương, lập dự án đầu tư đến công tác khảo sát, lập và thẩm định phê duyệt thiết kế, dự toán; công tác giám sát thi công; công tác quản lý chất lượng thi công; công tác nghiệm thu, quyết toán... và thực hiện đúng tiến độ đầu tư, đối với công trình XDCB có giá trị lớn, thuê đơn vị thẩm định giá trước khi thực hiện đầu tư.

đ) Về các nội dung khác

- Về quỹ tiền lương: quỹ tiền lương năm 2017 theo kế hoạch được duyệt là 94.943 triệu đồng (theo Nghị quyết HĐQT số 01/NQ-SAF/HĐQT ngày 16/01/2017). Trong năm 2017, Công ty đã trích quỹ lương theo năng suất lao động bình quân là 97.375 triệu đồng;

- Về tổ chức mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc: Công ty đã tổ chức chào hàng cạnh tranh theo quy định công ty trong việc thông báo mời gửi hồ sơ yêu cầu báo giá trên website của công ty, thực hiện mẫu biểu hồ sơ chào hàng cạnh tranh rút gọn …. hợp đồng bảo hiểm công khai minh bạch, tiết kiệm. Đến ngày 14/6/2017 Công ty Bảo Việt Sài Gòn đã gửi Giấy chứng nhận bảo hiểm "Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc" với Công ty Safoco từ ngày 15/6/2017 đến 14/6/2018, với giá trị 219 triệu đồng (chưa thuế VAT);

- Công ty đã tổ chức công tác kiểm kê thường xuyên, định kỳ tại các kho hàng hóa, điểm bán, chi nhánh và văn phòng của công ty. Đã xử lý tồn tại trong kiểm kê, thừa - hao nguyên phụ liệu, thành phẩm theo quy định;

- Thực hiện công tác từ thiện trong năm 2017 là 923 triệu đồng, cụ thể:

+ Hơn 14 tấn sản phẩm của Công ty trị giá 700 triệu đồng;

+ Trao tặng 04 căn nhà tình nghĩa trị giá 200 triệu đồng (50 triệu đồng/nhà) ở Long An, Bến Tre, Trà Vinh, Hải Dương;

+ Hỗ trợ 1.000 USD đóng góp cho Quỹ từ thiện giúp trẻ em nghèo tàn tật của nước Lào.

- Các phòng nghiệp vụ Công ty tổ chức thực hành tiết kiệm chi phí triệt để trong hoạt động SXKD nhằm góp phần giảm giá thành mang lại hiệu quả chung cho Công ty.

e) Về Quản trị các rủi ro

Công tác Quản lý rủi ro luôn là một trong những công tác quan trọng trong hoạt động SXKD, điều hành doanh nghiệp và Công ty đã thực hiện các giải pháp quản trị phòng tránh rủi ro có hiệu quả như:

- Về rủi ro biến động giá cả: Cập nhật sự biến động của hệ thống pháp luật và thường xuyên nắm bắt thông tin thị trường, tình hình biến động tỷ giá, ... để có chiến lược đối phó kịp thời. Theo dõi chặt chẽ các thông tin tình hình biến động nguyên vật liệu, vật tư để tính toán thời điểm mua hàng, cân đối mức hàng tồn kho để lập kế hoạch sản xuất hợp lý;

- Rủi ro trong kinh doanh: Công ty đã tích cực triển khai các chương trình chống hàng giả thông qua việc nâng cấp bao bì sản phẩm, tổ chức việc tiếp nhận thông tin từ nhiều nguồn khác nhau về hàng giả, phối hợp với các cơ quan chức năng phát hiện hàng giả trên thị trường,... Thường xuyên khảo sát, tìm hiểu thị trường, mở thêm đại lý bán hàng, hệ thống siêu thị ở các khu vực còn bỏ ngõ và tích cực khai thác thêm khách hàng nước ngoài để hạn chế sự cạnh tranh của sản phẩm nhập khẩu và các sản phẩm cùng loại ở trong nước;

- Rủi ro trong sản xuất, chế biến: Công ty sản xuất các sản phẩm như mì sợi, nui, bún, bánh tráng sản xuất trên dây chuyền khép kín và được cải tiến, kiểm soát

chặt chẽ theo qui trình ISO và HACCP, đảm bảo chất lượng VS ATTP theo qui định,…..

- Rủi ro tài chính: Quy định và kiểm soát chặt chẽ công nợ bán hàng, giám sát khả năng thanh toán của khách hàng, hạn chế tốt rủi ro về tiền hàng; Mua bảo hiểm cho tất cả hàng hóa, tài sản của Công ty.

3. Về thực hiện các kế hoạch khác theo nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ trong năm 2017

- Hoàn tất việc phân phối lợi nhuận năm 2017 và chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 27% vốn điều lệ cho cổ đông theo quy định;

- Công ty đã thực hiện trích thù lao của HĐQT, BKS và thư ký theo đúng mức đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 thông qua;

- Thực hiện các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ giao: Công ty đã hoàn thành tất cả các chỉ tiêu kinh tế quan trọng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017 thông qua;

- Trong năm 2017, HĐQT, Ban TGĐ công ty có thay đổi các thành viên, cụ thể:

+ *Ông Nguyễn Công Minh Khoa,* bổ nhiệm là Phó TGĐ Công ty và thành viên HĐQT của nhiệm kỳ 2013 - 2017, thay thế ông *Phạm Văn Tỏ,* thôi giữ chức danh thành viên HĐQT để nghỉ hưu theo chế độ;

+ *Ông Nguyễn Văn Sang,* được bổ nhiệm là thành viên HĐQT tạm thời của Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco nhiệm kỳ 2013-2017 kể từ ngày 20/7/2017, thay thế ông *Trần Văn Hậu,* thôi giữ chức danh thành viên HĐQT theo đơn xin.

III. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ CỔ ĐÔNG

1. Trong năm 2017, giữa BKS với HĐQT, TGĐ và các cán bộ quản lý đã luôn phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ đầy đủ các quy định của Quy chế nội bộ, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật. HĐQT và TGĐ luôn tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

2. BKS cũng không nhận được đơn thư yêu cầu hoặc khiếu nại nào của cổ đông trong năm 2017. BKS cũng thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty nhằm đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời.

3. BKS luôn nhận được sự hỗ trợ tích cực từ HĐQT, Ban TGĐ, các phòng ban, Chi nhánh để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát của BKS như:

- Ban TGĐ đã tạo điều kiện bố trí nhân sự và đầu mối cung cấp đầy đủ thông tin trong quá trình BKS thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tại các Phòng ban và các quyết định của HĐQT, Ban điều hành;

- Định kỳ, BKS đều có những báo cáo và kiến nghị bằng văn bản gửi tới HĐQT và Ban TGĐ. Những kiến nghị của BKS đều được ghi nhận và triển khai thực hiện.

IV. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Đối với Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông

- Đề nghị HĐQT tiếp tục xây dựng chiến lược trung - dài hạn cho nhiệm kỳ tiếp theo (nhiệm kỳ IV 2018 - 2022) để định hướng phát triển sản xuất, chế biến bền vững;

- ĐHĐCĐ sớm thông qua Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty (theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng).

2. Đối với Ban Tổng giám đốc

- Tiếp tục hoàn thiện, củng cố bộ máy tổ chức nhân sự nhằm tăng cường đội ngũ cán bộ có năng lực, đáp ứng yêu cầu phát triển Công ty, đảm bảo an toàn thực phẩm do Cục quản lý thực phẩm và Dược phẩm của Hoa Kỳ (FDA), tiêu chuẩn Smeta-Sedex; cải tiến quy trình công nghệ, nghiên cứu công nghệ và thiết kế chế tạo các dây chuyền thiết bị đáp ứng nhu cầu sản xuất, gắn liền với xây dựng đội ngũ, năng lực sáng tạo của lãnh đạo Công ty, … để tạo tiền đề cho công ty phát triển bền vững;

- Tiếp tục nâng cấp nhà xưởng, thay đổi công nghệ và quy trình sản xuất, xem xét chỉnh sửa các quy định trong hệ thống HACCP,… và đảm bảo an toàn thực phẩm do Cục quản lý thực phẩm và Dược phẩm của Hoa Kỳ (FDA), tiêu chuẩn Smeta-Sedex;

- Tiếp tục có các biện pháp quản lý hợp lý và hiệu quả trong quản lý sản xuất, quản lý chất lượng, quản lý chi phí; Duy trì và làm tốt việc thực hiện tiết kiệm các chi phí như: chi phí nguyên vật liệu, dụng cụ đưa vào sản xuất…, chi phí quản lý nhằm hạ giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm thông qua việc làm tốt công tác quản lý chất lượng nguyên vật liệu, vật tư đầu vào và thực hiện đúng quy trình công nghệ trong sản xuất.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo hoạt động của BKS Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco, xin báo cáo ĐHĐCĐ thường niên thông qua. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ của các Quý vị Cổ đông đã tạo điều kiện cho BKS thực hiện tốt nhiệm vụ của mình và xin chúc SAFOCO đạt được nhiều tầm cao mới.

Trân trọng./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

(Đã ký)

Trần Hoàng Ngân

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 03/2018/SAF-BKS	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2018*

BÁO CÁO TỔNG KẾT CỦA BAN KIỂM SOÁT TỔNG KẾT NHIỆM KỲ III (2013 - 2017) VÀ ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM KỲ IV (2018 - 2022)

Kính thưa đại hội!

Thưa toàn thể quý vị cổ đông!

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco (Điều lệ Công ty), Luật doanh nghiệp năm 2014 và các quy định có liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco, các kiểm soát viên đã họp và nhất trí thông qua báo cáo tình hình hoạt động của BKS trong nhiệm kỳ III (2013 - 2017) và định hướng nhiệm kỳ IV (2018 - 2022) với các nội dung cụ thể như sau:

I. VỀ TỔ CHỨC NHÂN SỰ VÀ THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT

BKS có 03 thành viên được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bổ nhiệm tại Đại hội ngày 05 tháng 4 năm 2013 nhiệm kỳ của BKS là 5 năm (2013 - 2017), thành viên gồm: ông Trần Hoàng Ngân, bà Phạm Thanh Loan và ông Trần Hoàng Thao.

Nhiệm vụ trong BKS được phân công như sau: 01 Trưởng ban phụ trách chung và 02 thành viên theo dõi các hoạt động khác do trưởng ban giao.

Trong nhiệm kỳ nhân sự BKS có sự thay đổi: ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2015, ông Hồ Sỹ Thọ thay thế ông Trần Hoàng Thao.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong nhiệm kỳ qua, BKS đã thực hiện trách nhiệm, quyền hạn của mình trong việc kiểm tra, giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty; kiểm soát công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty.

1. Kiểm tra giám sát việc tuân thủ pháp luật và thực hiện Điều lệ Công ty

Trong nhiệm kỳ qua Công ty hoạt động theo đúng Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Tuân thủ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và các Quy chế nội bộ của Công ty.

2. Kiểm soát tình hình quản lý và điều hành Công ty

a) Hội đồng quản trị

HĐQT đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp trên tinh thần dân chủ, trung thực và trách nhiệm cao. Thông qua các cuộc họp định kỳ, HĐQT đã đưa ra các định hướng chiến lược phát triển và kế

hoạch SXKD hàng năm sát với tình hình thực tế giúp Công ty liên tục phát triển bền vững qua từng năm.

b) Ban Tổng Giám đốc

- Triển khai thực hiện tốt các nghị quyết, quyết định của HĐQT, ĐHĐCĐ;

- Chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động và tổ chức thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty hàng năm theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Quản lý và điều hành hoạt động Công ty có hiệu quả, kết quả SXKD năm sau luôn cao hơn năm trước.

3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty nhiệm kỳ qua

a) Kiểm soát hoạt động SXKD và tài chính: trong 5 năm hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần, Công ty đã phát triển ổn định, hàng năm luôn hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra và thực hiện các công việc:

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD; Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên; Giám sát việc tuân thủ Điều lệ công ty, Pháp luật Nhà nước và các Quy chế nội bộ của Công ty;

- Kiểm tra, giám sát hàng quý trên cơ sở báo cáo thực hiện công tác SXKD, đầu tư xây dựng cơ bản (XDCB) của Công ty;

- Rà soát các quy định, quy chế nội bộ của Công ty, đưa ra các khuyến nghị sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế SXKD;

- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính các quý trong năm, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn.

+ Báo cáo tài chính hàng năm của công ty đều được kiểm toán, đơn vị kiểm toán được chọn là công ty kiểm toán độc lập được UBCK Nhà nước chấp thuận và được các cổ đông thông qua;

+ BKS thường xuyên theo dõi, kiểm tra công tác ghi chép sổ sách kế toán, kiểm tra việc lập các báo cáo tài chính. Trưởng BKS đã tham gia việc chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty nhằm đảm bảo số liệu báo cáo được phản ánh trung thực, hợp lý về tình hình hoạt động của công ty;

+ Qua các kỳ ĐHĐCĐ hằng năm, Đại hội đồng ý chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và cả năm cho Công ty;

+ Các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của công ty tại từng thời điểm của giai đoạn 2013 - 2017, đồng thời phù hợp với các chuẩn mực chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý liên quan.

b) Một số kết quả đạt được như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Tổng doanh thu	Triệu đồng	630.850	672.831	744.272	884.380	934.299
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	27.505	30.932	34.249	37.585	41.315
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	20.441	23.927	26.513	29.863	32.895
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	85.508	95.105	100.560	110.276	116.363
Vốn điều lệ	Triệu đồng	45.458	59.093	59.093	79.182	79.182
Tổng tài sản	Triệu đồng	134.213	144.473	136.679	166.139	166.349
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	3.459	4.049	4.038	3.772	4.154
Cổ tức trả bằng tiền mặt	%	25	30	28	27	30*
Cổ tức + CP thưởng	%	55	30	62	27	30*

(*): Cổ tức dự kiến (cổ tức dự kiến theo ĐHĐCĐ 2017 là 27%)

Đối với Công tác quản lý tài chính: Trong nhiệm kỳ qua, hoạt động có hiệu quả, từng bước tích lũy vốn để đầu tư phát triển một cách bền vững. Tình hình tài chính Công ty lành mạnh Công ty đã thực hiện cân đối tài chính tốt, đảm bảo an toàn vốn và phát triển vốn thể hiện vốn chủ sở hữu năm 2017 tăng 36% so với năm 2013. Báo cáo tài chính 6 tháng, năm của nhiệm kỳ đều được kiểm toán độc lập và công ty kiểm toán chấp nhận toàn bộ, không có ý kiến ngoại trừ hay khuyến cáo nào khác.

4. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

- Tổng Giám đốc và các bộ máy điều hành doanh nghiệp khác thực hiện đầy đủ các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT nhiệm kỳ qua. Ban Tổng Giám đốc đã duy trì thường xuyên họp giao ban, tập trung giải quyết các vướng mắc trong điều hành kịp thời.

- Ban Tổng Giám đốc kịp thời đưa ra các giải pháp linh hoạt, có hiệu quả quản lý được những rủi ro và chi phí trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là trong bối cảnh thị trường đi xuống, nhiều biến động trong nhiệm kỳ qua. Linh hoạt trong kinh doanh, tìm kiếm khách hàng và thị trường tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu sản phẩm của công ty.

- HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm và bất thường theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định pháp luật. HĐQT đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.

- BKS đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành trong nhiệm kỳ qua đã hoạt động đúng quy chế và phù hợp với quy định pháp

luật, đáp ứng kịp thời với yêu cầu cho hoạt động SXKD của công ty trong nhiệm kỳ qua.

5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc và các cổ đông

- Trong nhiệm kỳ, BKS đã phối hợp tốt với các đoàn kiểm tra của công ty triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại công ty. Qua các cuộc kiểm tra, BKS thông báo kết quả công tác kiểm tra, giám sát với HĐQT và Ban điều hành để có những biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

- HĐQT công ty đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cho BKS, Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện cho BKS trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động SXKD của công ty khi có yêu cầu.

Các cuộc họp của HĐQT đều mời thành viên BKS tham gia và BKS đã có những ý kiến đóng góp và kiến nghị của BKS đối với HĐQT, Ban Điều hành và đều được xem xét ghi nhận.

HĐQT công ty, BKS, Ban điều hành và các cán bộ quản lý của công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động SXKD.

- Trong nhiệm kỳ hoạt động 2013 - 2017, BKS không nhận được đơn thư yêu cầu hoặc khiếu nại nào của cổ đông. BKS cũng thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của công ty nhằm đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách đầy đủ kịp thời.

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NHIỆM KỲ IV (2018 - 2022)

- Thực hiện đúng và đủ chức năng nhiệm vụ của BKS, kiểm tra giám sát các hoạt động của Công ty trong việc chấp hành Điều lệ công ty, các nghị quyết của ĐHĐCĐ, các nghị quyết của HĐQT và các quy chế, quy định của Công ty, của pháp luật;

- Duy trì chế độ họp định kỳ, làm việc và thông tin thường xuyên trong BKS;

- Phát huy hơn nữa việc phân tích tình hình hoạt động SXKD và đưa ra những ý kiến đề xuất cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong tất cả các mặt hoạt động của Công ty;

- Nâng cao vai trò giám sát, nâng cao năng lực chuyên môn, đặc biệt là về kiểm soát, kiểm toán và kiến thức pháp lý của thành viên BKS, phối hợp tốt với HĐQT với sự tham gia của các thành viên độc lập để giúp cổ đông có khả năng giám sát tốt hơn HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, nhằm tạo tiền đề gia tăng giá trị công ty trong hiện tại và tương lai.

IV. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Kết luận: Sau 5 năm hoạt động theo quy định của Điều lệ Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua, BKS đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm và quyền hạn của mình trên cơ sở tôn trọng và tạo điều kiện để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ vì mục tiêu chung là: Đảm bảo lợi ích của công ty, lợi ích của cổ đông, của người lao động và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Kiến nghị trong nhiệm kỳ tới: Tiếp tục tăng cường áp dụng công nghệ trong sản xuất, chế biến và công tác quản lý điều hành SXKD. Tăng cường công tác dự báo và quản trị rủi ro để kịp thời có giải pháp phòng ngừa và khắc phục. Tiếp tục củng cố, đào tạo, hoàn thiện bộ máy nhân sự có chuyên môn, trình độ cao để đáp ứng kịp thời với sự phát triển của Công ty.

Thay mặt Ban kiểm soát, tôi xin kính chúc các Quý đại biểu, các quý cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc và chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng kính chào./.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

(Đã ký)

Trần Hoàng Ngân

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2018

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Về việc Dự kiến phân phối Lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nh6ạp doanh nghiệp số 14/2008/QH12;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-SAF/HĐQT ngày 16/01/2018 của HĐQT công ty,

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua Dự kiến về phân phối lợi nhuận năm 2017 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

1. Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2017

1	Lợi nhuận trước thuế TNDN	41.315.861.896
	- Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	*785.968.561*
	- Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	-
2	Lợi nhuận chịu thuế TNDN	42.101.830.457
3	Thuế TNDN năm 2017 (20% TNCT)	8.420.366.091
4	Lợi nhuận sau khi trừ thuế TNDN	32.895.495.805
5	Lợi nhuận còn lại để phân phối	32.895.495.805
5.1	Trích các quỹ, tham gia hoạt động từ thiện	9.410.733.057
	- Trích Quỹ đầu tư phát triển (10% LNST)	*3.289.549.580*
	- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (15% LNST)	*4.934.324.371*
	- Trích Quỹ khen thưởng Người quản lý (2,24% LNST)	*736.859.106*
	- Tham gia hoạt động từ thiện xã hội	*450.000.000*
5.2	Lợi nhuận năm 2017 còn lại	23.484.762.748
6	Lợi nhuận chia cổ tức	*23.945.042.408*
	- Lợi nhuận chia cổ tức của các năm trước còn lại	*460.279.660*
	- Lợi nhuận năm 2017 còn lại chia cổ tức	*23.484.762.748*
	Dự kiến tỷ lệ trả cổ tức: 30%/vốn điều lệ	23.754.462.000
7	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2018	190.580.408

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

1	Lợi nhuận trước thuế TNDN	42.000.000.000
	- Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	
2	Lợi nhuận chịu thuế TNDN	42.000.000.000
3	Thuế TNDN năm 2017 (20% TNCT)	8.400.000.000
4	Lợi nhuận sau khi trừ thuế TNDN	33.600.000.000
5	Lợi nhuận còn lại để phân phối	33.600.000.000
5.1	Trích các quỹ, tham gia hoạt động từ thiện	9.602.640.000
	- Trích Quỹ đầu tư phát triển (10% LNST)	*3.360.000.000*
	- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (15% LNST)	*5.040.000.000*
	- Trích Quỹ khen thưởng Người quản lý (2,24% LNST)	*752.640.000*
	- Tham gia hoạt động từ thiện xã hội	*450.000.000*
5.2	Lợi nhuận năm 2018 còn lại	23.997.360.000
6	Lợi nhuận chia cổ tức	*24.187.940.408*
	- Lợi nhuận chia cổ tức của các năm trước còn lại	*190.580.408*
	- Lợi nhuận năm 2018 còn lại chia cổ tức	*23.997.360.000*
	Dự kiến tỷ lệ trả cổ tức: 30%/vốn điều lệ	23.754.462.000
7	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2019	433.478.408

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn !

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Trần Hoàng Thao

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN
LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2018

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Về việc mức tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát, thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Thư ký năm 2018

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco;

Năm 2017, Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco đã thực hiện thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký theo Nghị quyết số 01/NQ-SAF/ĐHĐCĐ ngày 07/4/2017 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2017. Mức thù lao của các thành viên đã nhận hàng tháng như sau:

1. Các thành viên HĐQT và Trưởng BKS thù lao là 6.500.000 đồng/tháng
2. Các thành viên BKS thù lao là 4.500.000 đồng/tháng
3. Thư ký HĐQT thù lao là 4.000.000 đồng/tháng

Tổng thù lao cho HĐQT, BKS và Thư ký trong năm 2017: **546.000.000** đồng.

Hội đồng Quản trị công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, thông qua mức tiền lương của Trưởng BKS chuyên trách, thù lao của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và Thư ký năm 2018 như sau:

1. Thành viên HĐQT

a) Tiền lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách bình quân 36.000.000 đồng/tháng;

b) Thù lao các thành viên HĐQT: 7.500.000 đồng/tháng/người.

2. Thành viên BKS và Thư ký

a) Tiền lương Trưởng BKS chuyên trách (tương đương chức danh Trưởng phòng Công ty) bình quân 23.500.000 đồng/tháng;

b) Thù lao các thành viên HĐQT: 6.500.000 đồng/tháng/người;

c) Thù lao Thư ký HĐQT: 5.000.000 đồng/tháng.

3. Mức tiền lương trên của Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS chuyên trách tương ứng với việc hoàn thành kế hoạch năm 2018. Trường hợp thực hiện vượt mức kế hoạch được giao năm 2018, HĐQT sẽ xem xét bổ sung thu nhập phù hợp với mức độ vượt để đảm bảo tiền lương thu nhập tương xứng với hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

Kính trình Đại hội biểu quyết thông qua mức tiền lương và thù lao năm 2018 như đã trình bày trên.

Trân trọng kính chào!

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Trần Hoàng Thao

CÔNG TY CỔ PHẦN
LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2018

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Về việc Đề nghị phê chuẩn chọn Công ty kiểm toán

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật kế toán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco,

Nhằm giúp cho việc công bố thông tin ra công chúng về tình hình tài chính của Công ty được chính xác và minh bạch, Ban Kiểm soát Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 chọn:

Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (gọi tắt là Hãng kiểm toán AASC) thực hiện việc soát xét và kiểm toán các báo cáo tài chính trong năm 2018 cho Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco.

Bởi Hãng kiểm toán AASC đáp ứng yêu cầu:

- Là Công ty kiểm toán nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận;
- Không xung đột quyền lợi khi kiểm toán báo cáo tài chính cho Safoco;
- Có nhiều kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm kiểm toán trong lĩnh vực kinh doanh của Safoco;
- Đáp ứng được các yêu cầu của Safoco về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán;
- Là Công ty kiểm toán có nhiều kinh nghiệm, chuyên nghiệp. Liên tục nhiều năm qua thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty luôn đạt yêu cầu về chất lượng, thời gian hoàn thành công việc và chi phí hợp lý.

Trong trường hợp không đàm phán được với Hãng kiểm toán AASC, đề nghị Đại hội ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn Công ty Kiểm toán khác nằm trong danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán đối với Công ty Niêm yết.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

(Đã ký)

Trần Hoàng Ngân

CÔNG TY CỔ PHẦN
LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2018

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Về việc đề nghị trích tiền tham gia công tác từ thiện xã hội

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức & hoạt động Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-SAF/HĐQT ngày 16/01/2018 của HĐQT công ty,

Từ nhiều năm qua, trách nhiệm đối với cộng đồng của Safoco luôn được sự đồng hành của quý cổ đông và CB.CNV.LĐ trong công ty cùng đóng góp để thực hiện đạo lý "Uống nước nhớ nguồn" và "Lá lành đùm lá rách". Những hoạt động xã hội từ thiện này không chỉ giúp đỡ về vật chất và động viên tinh thần cho các đối tượng chính sách, khó khăn mà còn có tác dụng sâu sắc trong việc kết tinh những tấm lòng nhân ái của quý cổ đông - người lao động trong mái nhà chung Safoco luôn hướng về cộng đồng, trên tinh thần đoàn kết, trách nhiệm xã hội và phát huy truyền thống tương thân tương ái của dân tộc.

Hôm nay, tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018, Hội đồng quản trị báo cáo hoạt động xã hội từ thiện trong năm vừa qua với tổng số tiền ủng hộ hoạt động từ thiện xã hội là 923.000.000.000 đồng, trong đó cổ đông đóng góp 450.000.000 đồng, Công ty đã thực hiện như sau:

- Xây dựng 04 căn nhà tình nghĩa cho các hộ gia đình chính sách gặp khó khăn ở các tỉnh Hải Dương, Bến Tre, Long An và Trà Vinh;

- Đến thăm và tặng quà cùng các sản phẩm Safoco cho các gia đình chính sách gặp khó khăn nhân ngày Thương binh liệt sỹ;

- Đóng góp ủng hộ: Quỹ "Vì Biển đảo quê hương – Vĩ tuyến đầu của Tổ quốc", Quỹ vì người nghèo "Thành phố nghĩa tình – kết nối yêu thương";

- Thực hiện tốt tinh thần sẻ chia với cộng đồng, tập thể CB.CNVLĐ đã đóng góp 01 ngày lương Ủng hộ đồng bào miền Trung với số tiền 81 triệu đồng.

Năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng bằng các hoạt động xã hội từ thiện, đề nghị cổ đông đóng góp 450 triệu đồng trích từ phần lợi nhuận sau thuế năm 2018.

Trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận đề nghị của Hội đồng quản trị.

Trân trọng cảm ơn!

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Trần Hoàng Thao

CÔNG TY CỔ PHẦN
LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2018

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Về việc Sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức & hoạt động Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/TT-BTC ngày 06/6/2017 của Chính phủ về hướng dẫn quản trị đối với Công ty đại chúng.

Trên cơ sở tham chiếu Điều lệ mẫu theo Phụ lục số 01 và Quy chế quản trị nội bộ theo Phụ lục số 02 tại Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính, đồng thời áp dụng theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 và quy định pháp luật hiện hành. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét và thông qua:

1. Sửa đổi**,** bổ sung toàn văn Điều lệ công ty hiện hành gồm 21 chương và 52 điều thành 21 chương và 57 điều theo bản dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco (đính kèm) trình Đại hội cổ đông hôm nay.

2. Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ (đính kèm), gồm 13 chương 52 điều.

3. Đề nghị sau khi thông qua 02 bản dự thảo trên, Đại hội đồng cổ đông.

a) Giao cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty tổ chức rà soát, hoàn thiện và ký ban hành Điều lệ mới của Công ty.

b) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định thời điểm ban hành Quy chế quản trị nội bộ sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Trần Hoàng Thao

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ꕥ★ꕥ

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

Tp.HCM, ngày … tháng … năm 2018

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU **5**

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ **5**

Điều 1. Giải thích thuật ngữ **5**

II.TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY **5**

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty **5**

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty **6**

III.MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY6

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty **6**

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty **7**

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP **7**

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập **7**

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu **8**

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác **8**

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần **8**

Điều 10. Thu hồi cổ phần **8**

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT **9**

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát **9**

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG **9**

Điều 12. Quyền của cổ đông **9**

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông **10**

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông **11**

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông **12**

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền **13**

Điều 17. Thay đổi các quyền **14**

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông. **14**

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông **16**

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông **16**

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông **18**

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông **18**
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông **20**
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông **21**
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 21
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị **21**
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị **22**
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị **23**
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị **24**
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị **25**
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị **25**
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị **28**
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty **28**
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 29
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý **29**
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp **29**
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc **29**
IX. BAN KIỂM SOÁT 31
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên 31
Điều 37. Kiểm soát viên **31**
Điều 38. Ban kiểm soát **32**
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 32
Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng **32**
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi **33**
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường **34**
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 34
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ **34**
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 35
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn **35**
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 35
Điều 44. Phân phối lợi nhuận **35**
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ

CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN **36**
Điều 45. Tài khoản ngân hàng **36**
Điều 46. Năm tài chính **36**
Điều 47. Chế độ kế toán **36**
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN **36**
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý **36**
Điều 49. Báo cáo thường niên **37**
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY **37**
Điều 50. Kiểm toán **37**
XVII.CON DẤU **38**
Điều 51. Con dấu **38**
XVIII.CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ **38**
Điều 52. Chấm dứt hoạt động **38**
Điều 53. Gia hạn hoạt động **38**
Điều 54. Thanh lý **38**
XIX.GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ **39**
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ **39**
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ **39**
Điều 56. Điều lệ công ty **39**
XXI.NGÀY HIỆU LỰC **40**
Điều 57. Ngày hiệu lực **40**

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày ... tháng ... năm 2018.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. **"Vốn điều lệ"** là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. **"Luật doanh nghiệp"** là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

c. **"Luật chứng khoán"** là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

d. **"Ngày thành lập"** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

e. **"Người điều hành doanh nghiệp"** là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

f. **"Người có liên quan"** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;

g. **"Cổ đông lớn"** là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;

h. **"Thời hạn hoạt động"** là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

i. **"Việt Nam"** là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO**
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: SAFOCO FOODSTUFF JOINT STOCK COMPANY

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: 1079 Phạm Văn Đồng, Khu phố 1, Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, Tp.HCM
- Điện thoại: (84-28) 37245264
- Fax: (84-28) 37245263
- E-mail: safoco@hcm.vnn.vn
-Website: www.safocofood.com

Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

4. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	*C32900*
2	Bán buôn thực phẩm	*G4632*
3	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	*G4649*
4	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	*G4663*
5	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	*I5610*
6	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	*L68100*
7	**Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự**	***C10740 (Chính)***

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Mục tiêu hoạt động của Công ty là huy động và sử dụng vốn có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển các nguồn lực; cải tiến chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng; cải thiện điều kiện làm việc, ổn định cuộc sống cho người lao động; đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV.VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **79.181.540.000** đồng (*Bảy mươi chín tỷ một trăm tám mươi mốt triệu, năm trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn*).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 7.918.154 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi cổ tức. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 14 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3

Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 10 % một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;

2. Hội đồng quản trị;

3. Ban kiểm soát;

4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- **a.** Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
- **b.** Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- **c.** Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
- **d.** Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- **e.** Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- **f.** Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- **g.** Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- **h.** Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại

tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
   a. Vi phạm pháp luật;
   b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
   c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
   a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
   b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
   c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
   d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
   e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
   f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
   a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập

Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo của Ban kiểm soát;

d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm

đầu tiên kể từ ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

   a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

   b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

   c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

   Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

   a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng

cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên

Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Bao gồm cả các vấn đề nêu tại Khoản 3 Điều 21.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu;

liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đối với các vấn đề nêu tại Khoản 3 Điều 21 phải được số cổ đông đại diện ít nhất [**65%**] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận, đối với tất cả các vấn đề khác phải được số cổ đông đại diện ít nhất [**51%**] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của

Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên,Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 90 ngày (trong trường hợp đặc biệt sẽ kéo dài thời gian tổ chức đại hội nhưng không quá 06 tháng) theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và

các chức danh quản lý khác;

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội

đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;

d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá ... đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa

hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị .

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn

nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

a. Ban kiểm soát;

b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;

c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

e. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công

khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh.Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- **a.** Có hiểu biết về pháp luật;
- **b.** Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- **c.** Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể

bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII.TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc), một (01) Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến củaTổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính

năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 20 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay

thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- **a.** Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- **b.** Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- **a.** Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- **b.** Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- **c.** Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- **a.** Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
- **b.** Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- **c.** Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- **d.** Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- **a.** Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- **b.** Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì

lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồngquản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng

và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông,

các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó

không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngày sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác

liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;

b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty

trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy

định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2018 tại ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- **a.** Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
- **b.** Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
- **c.** Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

…

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ꕥ★ꕥ

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

Tp.HCM, ngày … tháng … năm 2018

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG 1
Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh 1
Điều 2. Giải thích thuật ngữ 1
CHƯƠNG II:TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ 2
Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ 2
Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ 2
Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ 3
Điều 6. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ 3
Điều 7. Cách thức kiểm phiếu: 3
Điều 8. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ 3
Điều 9. Thông báo kết quả kiểm phiếu 4
Điều 10. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ 4
Điều 11. Biên bản họp ĐHĐCĐ 4
Điều 12. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ 5
Điều 13. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản 5
CHƯƠNG III:THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 7
Điều 14. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị 7
Điều 15. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT 7
Điều 16. Cách thức bầu thành viên HĐQT 7
Điều 17. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT 7
Điều 18. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT 8
Điều 19. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT 8
CHƯƠNG IV: HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 8
Điều 20. Thông báo họp Hội đồng quản trị 8
Điều 21. Điều kiện tổ chức họp HĐQT 9
Điều 22. Cách thức biểu quyết 9
Điều 23. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT 9
Điều 24. Ghi biên bản họp HĐQT 9
Điều 25. Thông báo nghị quyết HĐQT 10
CHƯƠNG V: KIỂM SOÁT VIÊN 10
Điều 26. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên 10
Điều 27. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên 10
Điều 28. Cách thức bầu kiểm soát viên 10

Điều 29. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên 10
Điều 30. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên 11
CHƯƠNG VI: CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 11
Điều 31. Các tiểu ban thuộc HĐQT 11
Điều 32. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban 11
CHƯƠNG VII: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP 11
Điều 33. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp 11
Điều 34. Tổng giám đốc 12
Điều 35. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác 13
Điều 36. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp 13
Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp 13
Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp 13
CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC 13
Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS 13
Điều 40. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc 14
Điều 41. Việc tiếp cận thông tin 14
Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc 15
Điều 43. Phối hợp giữa Tổng giám đốc điều hành và HĐQT, BKS 15
CHƯƠNG IX: ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC 16
CHƯƠNG X: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY 16
Điều 44. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty 16
Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty 16
Điều 46. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty 16
Điều 47. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty 17
Điều 48. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty 17
CHƯƠNG XI: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH 17
Điều 49. Trách nhiệm cẩn trọng 17
Điều 50. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 17
Điều 51. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 18
CHƯƠNG XII: SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY 19
Điều 52. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty 19
CHƯƠNG XIII:NGÀY HIỆU LỰC 19
Điều 53. Ngày hiệu lực 19

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Lương Thực Thực Phẩm Safoco được xây dựng căn cứ theo các qui định sau:

- **a.** Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- **b.** Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- **c.** Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11;
- **d.** Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- **e.** Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- **f.** Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lương Thực Thực Phẩm Safoco.

2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty Cổ phần Lương thực Thực Phẩm Safoco để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty.

3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Chữ viết tắt:

- **a.** "**Công ty**" là Công ty Cổ phần Lương Thực Thực Phẩm Safoco;
- **b.** "**Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh**" là giấy đăng ký Công ty Cổ phần số 0303752249 đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 21 tháng 6 năm 2016 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp;
- **c.** "**ĐHĐCĐ**" là Đại hội đồng cổ đông;
- **d.** "**HĐQT**" là Hội đồng quản trị;
- **e.** "**BKS**" là Ban kiểm soát.

2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- **a.** "**Quản trị công ty**" là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
  - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
  - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS;
  - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
  - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
  - Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty.

b. "**Công ty đại chúng**" là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật chứng khoán;

c. "**Cổ đông lớn**" là cổ đông được quy định tại Khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;

d. "**Người quản lý doanh nghiệp**" được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp;

e. "**Người điều hành doanh nghiệp**" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc;

f. "**Thành viên HĐQT không điều hành**" (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

g. "**Thành viên độc lập HĐQT**" (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại Khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp;

h. Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;

i. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.

3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

4. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các công ty đã niêm yết.

Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ

1. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Điều 6. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 7. Cách thức kiểm phiếu:

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 21 của Điều lệ Công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ [51%] trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
   a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
   b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
   c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

Điều 8. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ

Điều kiện thông qua các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được quy định chi tiết tại Điều 21 Điều lệ Công ty và Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

Điều 9. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

Điều 10. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ

Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định chi tiết tại Điều 24 Điều lệ Công ty và Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

Điều 11. Biên bản họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của

cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 12. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 13. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ công ty.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- **a.** Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- **b.** Mục đích lấy ý kiến;
- **c.** Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- **d.** Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- **e.** Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- **f.** Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- **g.** Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- **a.** Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- **b.** Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đối với các vấn đề nêu tại Khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận, đối với tất cả các vấn đề khác phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

10. Các trường hợp không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

d. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

CHƯƠNG III: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của công ty.
3. Không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác.

Điều 15. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên

Điều 16. Cách thức bầu thành viên HĐQT

1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 17. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

- **a.** Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
- **b.** Có đơn từ chức;
- **c.** Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- **d.** Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của HĐQT;
- **e.** Theo quyết định của ĐHĐCĐ;

f. Cố tình cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, hình ảnh và lợi ích của Công ty.

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 18. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty, và phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 19. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
2. Trình độ học vấn;
3. Trình độ chuyên môn;
4. Quá trình công tác;
5. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
6. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
7. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
8. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
9. Các thông tin khác (nếu có).

CHƯƠNG IV: HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Điều 21. Điều kiện tổ chức họp HĐQT

1. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

Điều 22. Cách thức biểu quyết

1. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30 Điều lệ công ty, mỗi thành viên HĐQT (hoặc người được ủy quyền) trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;
2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
3. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;
4. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
5. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 23. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT

1. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.
2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 24. Ghi biên bản họp HĐQT

Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. HĐQT có thể yêu cầu một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản họp.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 25. Thông báo nghị quyết HĐQT

Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty, và phảiđượccôngbốthông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG V: KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 26. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
2. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 27. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ công ty.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 28. Cách thức bầu kiểm soát viên

Việc biểu quyết bầu BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 29. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau

   a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật

doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục mà không được sự chấp thuận của BKS;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 30. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

CHƯƠNG VI: CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 31. Các tiểu ban thuộc HĐQT

HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

Điều 32. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban

Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VII: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 33. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết HĐQT.

2. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt

được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Điều 34. Tổng giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 35. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác

Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.

Điều 36. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

Công ty ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật lao động.

Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS

1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS

- **a.** Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT;
- **b.** Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi Tổng giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
- **c.** Khi BKS đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
- **d.** Các nội dung khác cần xin ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ công ty.

2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối với HĐQT

- **a.** Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
- **b.** Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu Tổng giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm;
- **c.** Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở

giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

d. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, BKS thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

e. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của công ty thì BKS phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

Điều 40. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc

1. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác trong công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

3. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty mà được Tổng giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng quản quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

Điều 41. Việc tiếp cận thông tin

1. Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, BKS có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho HĐQT trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các thông tin và tài liệu này bao gồm:

a. Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;

b. Biên bản, Nghị quyết của HĐQT;

c. Báo cáo của Tổng giám đốc;

d. Thông tin, tài liệu về quản lý, báo cáo tài chính;

e. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;

f. Tài liệu khác liên quan.

Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc

BKS có chức năng kiểm tra và giám sát:

a. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT và thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm;

b. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

c. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm điều lệ công ty của Tổng giám đốc, BKS thông báo bằng văn bản với Tổng giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

d. Thành viên BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

e. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến công ty trước ít nhất 48 giờ. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Tổng giám đốc: phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và Tổng giám đốc sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

Điều 43. Phối hợp giữa Tổng giám đốc điều hành và HĐQT, BKS

1. Tổng giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của công ty, đảm bảo công ty hoạt động liên tục và hiệu quả;

2. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 7 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

4. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;

5. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày.

CHƯƠNG IX: ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác.

CHƯƠNG X: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 44. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của HĐQT.

Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty

1. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

2. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;

3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

4. Tham dự các cuộc họp;

5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;

6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên;

7. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của công ty;

8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 46. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty

HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

Điều 47. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty

HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

Điều 48. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

CHƯƠNG XI: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 49. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 50. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
   a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của

thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc ĐHĐCĐ thông qua.

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 51. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên HĐQT, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế

hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XII: SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 52. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do HĐQT xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng.

CHƯƠNG XIII: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 53. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 13 chương 53 điều, được ĐHĐCĐ thông qua ngày ... tháng ... năm 2018.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất ½ tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Hoàng Thao

CÔNG TY CỔ PHẦN
LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

QUY CHẾ BẦU CỬ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2018-2022
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2014;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco;

Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), và Ban kiểm soát (BKS) Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco nhiệm kỳ 2018-2022 được thực hiện theo những quy định như sau:

I. Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên HĐQT: 05 thành viên
2. Nhiệm kỳ thành viên HĐQT: 05 năm, từ năm 2018 đến năm 2022
3. Số lượng ứng cử viên tối đa: không hạn chế
4. Cơ cấu thành viên HĐQT:

   Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

5. Tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị:
   - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp;
   - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh của công ty.
   - Có sức khoẻ, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.
   - Thành viên HĐQT không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác.
   - Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.
6. Tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT độc lập:
   - Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
   - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của Công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

7. Điều kiện ứng cử, đề cử:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cụ thể:

- Từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu 06 tháng được đề cử một (1) ứng viên;
- Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (2) ứng viên;
- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (3) ứng viên;
- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (4) ứng viên;
- Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (5) ứng viên;
- Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (6) ứng viên;
- Từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (7) ứng viên;
- Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (8) ứng viên.

Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

II. Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên BKS: 03 thành viên
2. Nhiệm kỳ thành viên BKS: 05 năm, từ năm 2018 đến năm 2022
3. Số lượng ứng cử viên tối đa: không hạn chế
4. Tiêu chuẩn làm thành viên Ban kiểm soát:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

- Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
- Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

5. Điều kiện đề cử:

   Cổ đông nắm giữ tối thiểu 05% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu 06 tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm soát.Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:

   - Từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu 06 tháng được đề cử một (1) ứng viên;
   - Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (2) ứng viên;
   - Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (3) ứng viên;
   - Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (4) ứng viên;
   - Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (5) ứng viên;

   Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

   Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

III. Phương thức bầu cử

1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông sẽ có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS, và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.
2. Phiếu bầu cử của mỗi cổ đông được ghi rõ họ tên, mã số cổ đông, số cổ phần mà cổ đông đó đại diện nắm giữ, và số phiếu biểu quyết tương ứng. Trên mỗi phiếu bầu cạnh cột "Ứng cử viên" có cột "Số phiếu bầu", việc bầu phiếu được thực hiện bằng việc điền số phiếu biểu quyết vào dòng tương ứng của ứng viên mà mình tín nhiệm.

   Cổ đông có thể dồn hết số phiếu biểu quyết của mình cho một ứng viên, hoặc chia đều, hay không đều cho các ứng viên sao cho tổng số phiếu biểu quyết bầu cho các ứng viên không vượt quá số phiếu biểu quyết của cổ đông.

3. Phiếu bầu cử hợp lệ:
   - Phiếu không theo mẫu, không có dấu treo của Công ty;
   - Phiếu có tẩy xóa, sữa chữa nội dung đã in sẵn;
   - Phiếu không bầu cho bất kỳ ai trong danh sách ứng viên;
   - Phiếu bầu thừa so với số lượng đã được Đại hội quyết định;
   - Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên lớn hơn tổng số phiếu được quyền bầu;
   - Phiếu ghi tỷ lệ phần trăm vào cột "Số phiếu bầu".

IV. Nguyên tắc trúng cử

1. Ứng viên trúng cử thành viên HĐQT, BKS là người có số phiếu bầu cao nhất tính từ trên xuống cho đến khi đủ số thành viên theo quy định.
2. Trường hợp có nhiều ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau và số lượng trúng cử vượt quá số lượng cần bầu thì ứng viên nào sở hữu nhiều cổ phiếu hơn sẽ được chọn.

   Trường hợp số cổ phần sở hữu cũng bằng nhau thì tiến hành bầu lần 2 đối với các ứng viên này. Nếu bầu lần 2 vẫn bằng nhau thì việc có tiếp tục bầu cử nữa hay không sẽ do Đại hội quyết định.

V. Hồ sơ tham gia ứng cử/đề cử thành viên HĐQT, BKS

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử HĐQT/BKS bao gồm:

1. Đơn xin đề cử/ứng cử thành viên HĐQT, BKS (theo mẫu);
2. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);
3. Bản sao có công chứng: CMND, hộ khẩu thường trú, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn của ứng cử viên;
4. Biên bản họp nhóm (nếu ứng cử viên được nhóm cổ đông đề cử, theo mẫu).

Ghi chú: Các biểu mẫu được công bố tại website: www.safocofood.com

Quy chế này có hiệu lực ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco thông qua.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Hoàng Thao

CÔNG TY CỔ PHẦN
LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Về việc thông qua Quy chế đề cử - ứng cử thành viên Hội đồng quản trị và bầu Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ IV (2018 - 2022)

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006QH11 thông qua ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco;
- Căn cứ Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Căn cứ hồ sơ ứng cử và đề cử của Cổ đông và nhóm Cổ đông gửi về Công ty tính đến 17h00 ngày 02/4/2018 (thời hạn cuối cùng cho việc đề cử và ứng cử),

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các ứng cử viên Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên như sau:

1. Danh sách ứng cử viên Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ hiện nay tại Safoco	Điều kiện tham gia
01	Phạm Thị Thu Hồng	Tổng Giám đốc – TV.HĐQT	Nhóm cổ đông đề cử (15,61%)
02	Nguyễn Văn Hưng		Công ty TNHH MTV – Tổng công ty Lương thực Miền Nam (Cổ đông lớn 51,29%/VĐL) đề cử.
03	Nguyễn Công Minh Khoa	Phó Tổng Giám đốc – TV.HĐQT	Công ty TNHH MTV – Tổng công ty Lương thực Miền Nam (Cổ đông lớn 51,29%/VĐL) đề cử.
04	Nguyễn Văn Sang	TV.HĐQT tạm thời	Công ty CP Đầu tư Thương mại Hoa sen (Cổ đông lớn: 23,610%/VĐL) đề cử.
05	Trần Hoàng Thao	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	Công ty TNHH MTV – Tổng công ty Lương thực Miền Nam (Cổ đông lớn 51,29%/VĐL) đề cử.

2. Danh sách ứng cử viên Kiểm soát viên

Stt	Họ và tên	Chức vụ hiện nay tại Safoco	Điều kiện tham gia
01	Đặng Minh Nam		Công ty CP Đầu tư Thương mại Hoa sen (Cổ đông lớn: 23,610%/VĐL) đề cử.
02	Trần Hoàng Ngân	Trưởng Ban Kiểm soát	Công ty TNHH MTV – Tổng công ty Lương thực Miền Nam (Cổ đông lớn 51,29%/VĐL) đề cử.
03	Nguyễn Trương Nguyện	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán	Nhóm cổ đông đề cử (15,61%)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Trần Hoàng Thao

DANH SÁCH ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT VIÊN NHIỆM KỲ IV (2018 - 2022) TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Địa chỉ thường trú	Trình độ chuyên môn	Chức vụ - Đơn vị công tác – Đề cử/Ứng cử
		Nam	Nữ			
I/- ỨNG CỬ VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
1	B.PHẠM THỊ THU HỒNG		1957	173 Nguyễn Kim, Phường 7, Quận 10, Tp.HCM	Cử nhân Quản trị kinh doanh	- TV.HĐQT nhiệm kỳ 2013-2017, Tổng giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Công ty. - Nhóm Cổ đông có tổng số cổ phần, tỷ lệ 15,61%/VĐL đề cử..
2	Ô.NGUYỄN VĂN HƯNG	1966		245/16/3 Nơ Trang Long, P.11, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM	Cử nhân ngành Kinh tế Nông nghiệp	- Phó phòng Kỹ thuật Đầu tư Xây dựng cơ bản Công ty TNHH MTV – Tổng công ty Lương thực Miền Nam, - Công ty TNHH MTV – Tổng công ty Lương thực Miền Nam (Cổ đông lớn: 51,29%/VĐL) đề cử.
3	Ô.NGUYỄN CÔNG MINH KHOA	1978		48/17 A, Hồ Biểu Chánh, P.11, Q.Phú Nhuận, Tp.HCM	Cử nhân Quản trị kinh doanh	- TV.HĐQT nhiệm kỳ 2013-2017, Phó Tổng giám đốc Công ty. - Công ty TNHH MTV – Tổng công ty Lương thực Miền Nam (Cổ đông lớn: 51,29%/VĐL) đề cử.
4	Ô.NGUYỄN VĂN SANG			C26-BT6, Hoài Thanh, Mỹ Đình II, Từ Liêm, Hà Nội	Thạc sĩ ngành Tài chính ngân hàng	- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T - Công ty CP Đầu tư Thương mại Hoa sen (Cổ đông lớn: 23,610%/VĐL) đề cử.
5	Ô.TRẦN HOÀNG THAO	1961		286 Tô Ngọc Vân, P. Linh Đông, Quận Thủ Đức, Tp.HCM	Kỹ sư cơ khí – chế tạo máy	- Chủ tịch HĐQT chuyên trách nhiệm kỳ 2013-2017. - Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương thực Miền Nam (Cổ đông lớn: 51,29%/VĐL) đề cử.

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Địa chỉ thường trú	Trình độ chuyên môn	Chức vụ - Đơn vị công tác – Đề cử/Ứng cử
		Nam	Nữ			
II/- ỨNG CỬ KIỂM SOÁT VIÊN						
1	ĐẶNG MINH NAM	1980		Số 1 Ngõ 98 Đào Tấn, Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội	Tài chính Ngân hàng	- Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ Công ty cổ phần tập đoàn F.I.T - Công ty CP Đầu tư Thương mại Hoa sen (Cổ đông lớn: 23,610%/VĐL) đề cử.
2	TRẦN HOÀNG NGÂN	1982		37/10 F, Nguyễn Văn Lượng, Phường 16, Quận Gò Vấp, Tp.HCM	- Thạc sĩ Kinh tế - Luật sư	- Phó phòng Tài chính Kế toán – Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Lương thực Miền Nam. - Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương thực Miền Nam (Cổ đông lớn: 51,29%/VĐL) đề cử.
3	NGUYỄN TRƯƠNG NGUYỆN	1985		109/35 Lê Văn Tiên, KP. Đông Chiêu, P.Tân Đông Hiệp, Dĩ An, Bình Dương	Cử nhân Kế toán Tài chính	- Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán - Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco. - Nhóm Cổ đông có tổng số cổ phần, tỷ lệ 15,61%/VĐL đề cử.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01/NQ-SAF/ĐHCĐ	*Tp Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2018*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2015;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 06/4/2018 của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 06/4/2018 của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco,

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco ngày 06 tháng 4 năm 2018 với ... cổ đông và người được ủy quyền dự họp, đại diện cho… cổ phần đạt tỷ lệ …%t rên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đã biểu quyết thông qua các Điều sau đây:

Điều 1. Thông qua các báo cáo sau đây

1. Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán;

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

2. Báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT) về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT năm 2017 và Định hướng kế hoạch hoạt động năm 2018; Báo cáo của HĐQT về tổng kết nhiệm kỳ III (2013 - 2017) và phương hướng nhiệm kỳ IV (2018 - 2022).

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

3. Báo cáo của Ban kiểm soát (BKS) về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và Phương hướng kế hoạch năm 2018; Báo cáo của BKS về tổng kết nhiệm kỳ III (2013 - 2017) và phương hướng nhiệm kỳ IV (2018 - 2022).

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

Điều 2. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017

1	Lợi nhuận trước thuế TNDN	41.315.861.896
	- Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	*785.968.561*
	- Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	-

2	Lợi nhuận chịu thuế TNDN	42.101.830.457
3	Thuế TNDN năm 2017 (20% TNCT)	8.420.366.091
4	Lợi nhuận sau khi trừ thuế TNDN	32.895.495.805
5	Lợi nhuận còn lại để phân phối:	32.895.495.805
a	Trích các quỹ, tham gia hoạt động từ thiện,	9.410.733.057
	- Trích Quỹ đầu tư phát triển (10% LNST)	*3.289.549.580*
	- Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi (15% LNST)	*4.934.324.371*
	- Trích Quỹ khen thưởng Người quản lý (2,24% LNST)	*736.859.106*
	- Tham gia hoạt động từ thiện xã hội	*450.000.000*
b	Lợi nhuận năm 2017 còn lại	23.484.762.748
6	Lợi nhuận chia cổ tức	23.945.042.408
	- Lợi nhuận chia cổ tức của các năm trước còn lại	*460.279.660*
	- Lợi nhuận năm 2017 còn lại chia cổ tức	*23.484.762.748*
	Dự kiến tỷ lệ trả cổ tức là30% /Vốn điều lệ	23.754.462.000
7	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2018	190.580.408

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là…% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

Điều 3. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

1**.** Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 với các chỉ tiêu chính

- Tổng sản lượng bán ra : 13.500 tấn sản phẩm
- Tổng doanh thu : 950 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 42 tỷ đồng

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là …% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

2**.** Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

1	Lợi nhuận trước thuế TNDN	42.000.000.000
	- Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	-
2	Lợi nhuận chịu thuế TNDN	42.000.000.000
3	Thuế TNDN năm 2018 (20% TNCT)	8.400.000.000
4	Lợi nhuận sau khi trừ thuế TNDN	33.600.000.000
5	Lợi nhuận còn lại để phân phối	33.600.000.000

a	Trích các quỹ, tham gia hoạt động từ thiện,	9.602.640.000
	- Trích Quỹ đầu tư phát triển (10% LNST)	*3.360.000.000*
	- Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi (15% LNST)	*5.040.000.000*
	- Trích Quỹ khen thưởng Người quản lý (2,24% LNST)	*752.640.000*
	- Tham gia hoạt động từ thiện xã hội	*450.000.000*
b	Lợi nhuận năm 2018 còn lại	23.997.360.000
6	Lợi nhuận chia cổ tức	24.187.940.408
	- Lợi nhuận chia cổ tức của các năm trước còn lại	*190.580.408*
	- Lợi nhuận năm 2018 còn lại chia cổ tức	*23.997.360.000*
	Dự kiến tỷ lệ trả cổ tức: 30% /Vốn điều lệ	23.754.462.000
7	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2019	433.478.408

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

Điều 4. Thông qua mức tiền lương của Trưởng BKS, thù lao thành viên HĐQT, BKS và Thư ký năm 2018

- Các thành viên HĐQT thù lao là 7.500.000 đồng/tháng;
- Tiền lương Trưởng BKS chuyên trách bình quân 23.500.000 đồng/tháng;
- Các thành viên BKS thù lao là 6.500.000 đồng/tháng;
- Thư ký HĐQT thù lao là 5.000.000 đồng/tháng.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

Điều 5. Thông qua chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (gọi tắt là Hãng kiểm toán AASC) làm đơn vị thực hiện việc soát xét và kiểm toán cho các báo cáo tài chính trong năm 2018

Trong trường hợp không đàm phán được với Hãng kiểm toán AASC, Đại hội ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn Công ty Kiểm toán khác nằm trong danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán đối với Công ty Niêm yết.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

Điều 6. Thông qua trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2018, số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) tham gia công tác từ thiện xã hội năm 2018

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

Điều 7. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

Điều 8. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

Điều 9. Thông qua danh sách thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ IV (2018 - 2022)

Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ …% thông qua Quy chế bầu cử, trong đó thể hiện số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ IV (2018 - 2022) là 05 thành viên và số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ IV (2018 - 2022) là 03 thành viên.

Đại hội đã tiến hành bầu ra các thành viên HĐQT và BKS theo phương thức bầu dồn phiếu cho nhiệm kỳ IV (2018 - 2022). Kết quả bầu cử như sau:

1. Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Tỷ lệ phiếu bầu/ Tổng số cổ phiếu có quyền bầu cử có mặt tại Đại hội	Ghi chú
1	Ông/Bà …….		
2	Ông/Bà …….		
3	Ông/Bà …….		
4	Ông/Bà …….		
5	Ông/Bà …….		

2. Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Tỷ lệ phiếu bầu/ Tổng số cổ phiếu có quyền bầu cử có mặt tại Đại hội	Ghi chú
1	Ông/Bà …….		
2	Ông/Bà …….		
3	Ông/Bà …….		

Điều 10. Triển khai thực hiện Nghị quyết

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 06/4/2018.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện đến Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp thường niên năm 2019.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA CUỘC HỌP
CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Hoàng Thao